

Số: **6374**/BKHDĐT-QLĐT
V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị
định quy định chi tiết về lựa chọn
nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư
theo phương thức PPP

Hà Nội, ngày **28** tháng 9 năm 2020

Kính gửi:

- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội hóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự thảo Tờ trình trình Chính phủ.

Do yêu cầu về tiến độ xây dựng Nghị định rất gấp (dự kiến trình Chính phủ trong tháng 10/2020), Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng đề nghị Quý Cơ quan đóng góp ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị định theo các nhóm vấn đề xin ý kiến tại phụ lục kèm theo và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 07/10/2020** để kịp thời hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ theo đúng tiến độ được giao.

(Dự thảo Nghị định và Tờ trình được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị trong Bộ (để có ý kiến);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (để có ý kiến);
- Nhà đầu tư (theo danh sách);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Trung tâm tin học (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLĐT (Q33).



Võ Thành Thống



PHỤ LỤC

Các nhóm vấn đề xin ý kiến xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (kèm theo văn bản số 517/BKHĐT-QLĐT ngày 28/9/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Về áp dụng sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư quốc tế

* Quy định tại Luật

Về áp dụng sơ tuyển, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật PPP, thủ tục lựa chọn danh sách ngắn (sơ tuyển đối với đấu thầu rộng rãi) là không bắt buộc.

Về lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, theo quy định tại khoản 3 Luật PPP, lựa chọn nhà đầu tư quốc tế được áp dụng đối với “tất cả các” dự án PPP, trừ trường hợp: (i) dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư; (ii) dự án bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước.

* *Vấn đề đặt ra:* Việc bắt buộc áp dụng sơ tuyển rộng rãi quốc tế và lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có thể gây kéo dài thời gian, làm cho quá trình lựa chọn nhà đầu tư không hiệu quả.

* Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 11, 12, 13)

Theo quy định tại h khoản 2 Điều 19 của Luật PPP, một trong các nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi là “kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư”. Như vậy, thông qua bước khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư, có thể xác định được dự án có khả năng thu hút được nhà đầu tư quốc tế, số lượng nhà đầu tư tham gia.

Theo đó, dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định nội dung mời các nhà đầu tư quan tâm đầu tư dự án tại bước khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư. Căn cứ kết quả khảo sát, số lượng nhà đầu tư quan tâm (bao gồm nhà đầu tư nước ngoài), xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi “quốc tế” hoặc “trong nước”, có áp dụng “sơ tuyển” hoặc không áp dụng “sơ tuyển” tại quyết định phê duyệt dự án.

* Nội dung đề nghị tập trung nghiên cứu và góp ý:

- Kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư có đủ căn cứ pháp lý để xác định dự án áp dụng sơ tuyển hoặc lựa chọn nhà đầu tư quốc tế không?

- Nội dung dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định có dẫn đến vi phạm Hiệp định, cam kết về đầu tư đã được Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết?

- Cung cấp thông tin kinh nghiệm quốc tế về sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư quốc tế.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng của dự thảo.

2. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư

* *Quy định tại Luật:* Khoản 4 và khoản 5 Điều 28 Luật PPP quy định đối tượng được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu gồm: (i) nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận và (ii) nhà đầu tư cam kết sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

*** Vấn đề đặt ra**

Nếu nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài trúng thầu, để thuận lợi trong triển khai thực hiện dự án PPP thì hầu hết đều đề xuất sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước. Như vậy, cần quy định tỷ lệ sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước như thế nào để được hưởng ưu đãi.

Các đối tượng khác nhau thì cần quy định mức ưu đãi khác nhau để vừa bảo đảm sự công bằng và khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư bỏ chi phí cho việc nghiên cứu và lập dự án, vừa bảo đảm khuyến khích sử dụng nhà thầu, vật tư trong nước.

*** Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 4)**

- Nhà đầu tư có đề xuất dự án được chấp thuận được hưởng mức ưu đãi 5%; nhà đầu tư cam kết hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước được hưởng mức ưu đãi 3%, cam kết sử dụng nhà thầu được hưởng mức ưu đãi 2%.

- Giá trị sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước chiếm tỷ lệ 25% tổng mức đầu tư của dự án.

*** Nội dung đề nghị tập trung nghiên cứu và góp ý:**

- Mức ưu đãi có phù hợp với từng đối tượng ưu đãi?

- Đề xuất tỷ lệ phù hợp xác định sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước để được hưởng ưu đãi.

- Cung cấp thông tin kinh nghiệm quốc tế về đối tượng hưởng ưu đãi, mức ưu đãi như thế nào?

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng của dự thảo.

3. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

* *Quy định tại Luật:* Điều 42 của Luật quy định về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

* *Vấn đề đặt ra:* Nghị định của Chính phủ phải quy định chi tiết về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phù hợp với đặc thù dự án PPP.

* *Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 20)*: Dự thảo quy định sơ bộ tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết tại mẫu hồ sơ mời thầu.

* *Nội dung đề nghị tập trung nghiên cứu và góp ý*:

- Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính – thương mại;
- Cung cấp thông tin kinh nghiệm quốc tế, thực tiễn triển khai thực hiện về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với dự án trong lĩnh vực mình quản lý.
- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng của dự thảo.

4. Hình thức đàm phán cạnh tranh

* *Quy định tại Luật*: Đàm phán cạnh tranh là hình thức mới được quy định tại Luật PPP. Trong đó, Điều 38 của Luật PPP quy định 3 trường hợp áp dụng: (i) có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án được mời tham dự; (ii) dự án ứng dụng công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; (iii) dự án ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

* *Vấn đề đặt ra*

- Quy trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao và công nghệ mới thực hiện ngay sau khi quyết định chủ trương đầu tư. Thực tế dự án công nghệ cao, công nghệ mới có thể được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm dự thầu (ví dụ dự án xử lý rác thải tại Đà Nẵng có 27 nhà đầu tư quan tâm).

- Quy định về trường hợp dự án có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền giải trình trong việc xác định danh sách 03 nhà đầu tư được mời tham gia đàm phán.

* *Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Chương III)*

- Đối với dự án có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách nhà đầu tư mời tham dự đàm phán tại quyết định phê duyệt dự án.

- Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, danh sách ngắn nhà đầu tư được mời tham dự đàm phán được xác định thông qua thủ tục mời quan tâm.

- Dự thảo Nghị định đề xuất nội dung nguyên tắc đàm phán cạnh tranh, nội dung không được đàm phán với nhà đầu tư.

* *Nội dung đề nghị tập trung nghiên cứu và góp ý*:

- Cung cấp thông tin thực tiễn đàm phán các hợp đồng dự án PPP trong phạm vi quản lý của mình.

- Nguyên tắc đàm phán cạnh tranh, các nội dung đàm phán, các nội dung không được đàm phán (cơ chế bảo đảm đầu tư, khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công...).

- Cho ý kiến, cung cấp thông tin về việc thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới trong phạm vi quản lý của mình.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng của dự thảo.

5. Về quy định chuyển tiếp của Nghị định (Điều 87)

- Đề nghị tổng hợp, thống kê các trường hợp có thể phát sinh trong quá trình chuyển tiếp Luật để có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định.

- Cho ý kiến về các trường hợp quy định chuyển tiếp (các dự án BOT điện đang đàm phán hợp đồng, các dự án giao thông đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư...)

- Cho ý kiến, cung cấp thông tin về các trường hợp vướng mắc trên thực chuyển tiếp đối với các dự án PPP đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (đặc biệt là dự án BT).

- Nội dung chuyển tiếp; tính pháp lý của các điều khoản chuyển tiếp đề xuất.

6. Về việc xử lý đối với các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư trong các pháp luật có liên quan (Điều 86)

* *Vấn đề đặt ra:* Trước đây, phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu bao gồm việc lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP và dự án có sử dụng đất. Theo đó, các nội dung này được hướng dẫn chung tại Nghị định 25/2020/NĐ-CP. Đến nay, quy định về lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP đã được hợp nhất tại Luật PPP và dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định này. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư sửa đổi mới bổ sung quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (Điều 29).

* *Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định:* Để xử lý các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư tại các Luật nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật PPP về lựa chọn nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đối với những nội dung liên quan đến dự án PPP; toàn bộ quy định về dự án có sử dụng đất tại Nghị định 25/2020/NĐ-CP được giữ nguyên.

* *Nội dung đề nghị tập trung nghiên cứu và góp ý:*

- Việc sửa đổi Nghị định số 25/2020/NĐ-CP theo phương án này dẫn đến việc dẫn chiếu giữa các Nghị định với nhau. Phương án đề xuất có phù hợp với quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật không?

- Có thể xử lý bằng văn bản hợp nhất ban hành sau này, theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không?

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung nội dung tương ứng của dự thảo.

Số: /TTr - BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 về việc ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội hóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bộ KH&ĐT) chủ trì nghiên cứu và xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây được gọi tắt là Dự thảo Nghị định).

Đến nay, Bộ KH&ĐT đã hoàn thành Dự thảo Nghị định (*xin gửi kèm theo*) và xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP) được ban hành tạo khuôn khổ pháp lý chung, có hiệu lực cao, lâu dài và ổn định cho việc thực hiện các dự án PPP tại Việt Nam. Để đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành, Quốc hội đã giao Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành một số nội dung tại Luật đầu tư theo phương thức PPP.

Theo rà soát tại Luật PPP, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết 18 nội dung liên quan đến lựa chọn nhà đầu tư, cụ thể như sau:

- (1) Khoản 4 Điều 4: Lĩnh vực, quy mô dự án
- (2) Khoản 5 Điều 6: Thành lập, tổ chức, hoạt động của Hội đồng thẩm định
- (3) Khoản 5 Điều 11: Quy trình dự án PPP
- (4) Khoản 7 Điều 27: Trình tự chuẩn bị dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất
- (5) Khoản 6 Điều 28: Quy trình tổng quát lựa chọn nhà đầu tư
- (6) Khoản 3 Điều 36: Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư

- (7) Khoản 4 Điều 42: Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
- (8) Khoản 3 Điều 47: Hợp đồng mẫu đối với từng nhóm hợp đồng
- (9) Khoản 6 Điều 48: Tỷ lệ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng
- (10) Khoản 7 Điều 52: Chấm dứt hợp đồng
- (11) Khoản 4 Điều 60: Quyết toán vốn đầu tư công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng
- (12) Khoản 3 Điều 61: Hồ sơ, thời hạn xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng
- (13) Khoản 3 Điều 67: Trình tự, thủ tục xử lý tài sản chuyển giao
- (14) Khoản 3 Điều 69: Sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP
- (15) Khoản 4 Điều 78: Phát hành trái phiếu doanh nghiệp dự án PPP
- (16) Khoản 5 Điều 82: Cơ chế chia sẻ phân tăng, giảm doanh thu
- (17) Khoản 5 Điều 98: Xử lý vi phạm trong đầu tư theo phương thức PPP
- (18) Khoản 8 Điều 101: Nội dung phát sinh liên quan đến các trường hợp chuyển tiếp.

Theo phân công tại Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020, Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo được giao hướng dẫn 04 điều khoản (Khoản 6 Điều 28, Khoản 3 Điều 36, Khoản 4 Điều 42, Khoản 6 Điều 48).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

a) Đảm bảo xây dựng quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam, dựa trên nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, hiệu quả, đơn giản nhằm lựa chọn được nhà đầu tư thực sự có năng lực tài chính, kinh nghiệm quản lý thực hiện dự án.

b) Đơn giản hóa quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở thống nhất với quy trình chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án PPP, đảm bảo phù hợp với quy mô, tính chất và yêu cầu của dự án.

c) Xây dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, minh bạch nhằm khẳng định cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu đầu tư mà trọng tâm là đầu tư công.

2. Quan điểm chỉ đạo

Dự thảo Nghị định được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau:

- Tuân thủ quy định của Luật PPP (chỉ bao gồm những nội dung Chính phủ được giao hướng dẫn), đảm bảo sự đồng bộ giữa Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của cơ quan quản lý nhà nước
- Phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Theo đó, nội dung Dự thảo tập trung:

- (i) Quy định rõ quy trình áp dụng tương ứng với mỗi hình thức lựa chọn nhà đầu tư, trong đó bao gồm quy định về việc thực hiện sơ tuyển trong đấu thầu rộng rãi trong nước, đấu thầu rộng rãi quốc tế;
- (ii) Quy định rõ về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu (đánh giá về năng lực, kinh nghiệm; đánh giá về kỹ thuật; đánh giá về tài chính – thương mại);
- (iii) Quy định rõ về xử lý tình huống phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;
- (iv) Quy định về hướng dẫn chuyển tiếp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

- Căn cứ Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 1322/QĐ-BKHĐT ngày 26/8/2020 thành lập Ban soạn thảo Nghị định quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Ngày 25/8/2020, Bộ KH&ĐT đã tổ chức hội nghị trực tuyến lấy ý kiến về định hướng xây dựng dự thảo Nghị định.

- Ngày 18/9/2020, Bộ KH&ĐT đã tổ chức cuộc họp Ban soạn thảo để lấy ý kiến về một số nội dung chính sách quan trọng nhằm hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi gửi đi lấy ý kiến rộng rãi.

- Ngày....., Bộ KH&ĐT đã gửi các cơ quan lấy ý kiến rộng rãi đối với dự thảo Nghị định.

- Ngày....., Bộ KH&ĐT gửi dự thảo Nghị định đến Bộ Tư pháp để thẩm định trước khi trình Chính phủ chính thức ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục và nội dung dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 09 Chương, 89 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 10)

Chương II. Quy trình đấu thầu rộng rãi (từ Điều 11 đến Điều 35)

Chương III. Đàm phán cạnh tranh (từ Điều 36 đến Điều 57)

Chương IV. Chỉ định nhà đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (từ Điều 58 đến Điều 66)

Chương V. Lựa chọn nhà đầu tư qua mạng (từ Điều 67 đến Điều 71)

Chương VI. Nội dung thẩm định và phân cấp trách nhiệm trong lựa chọn nhà đầu tư (từ Điều 72 đến Điều 77)

Chương VII. Xử lý tình huống và giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (từ Điều 78 đến Điều 81)

Chương VIII. Xử lý vi phạm, kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư (từ Điều 82 đến Điều 85)

Chương IX. Điều khoản thi hành (từ Điều 86 đến Điều 89)

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định

2.1. Về áp dụng sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư quốc tế

*** Quy định tại Luật**

Về áp dụng sơ tuyển, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Luật PPP, thủ tục lựa chọn danh sách ngắn (sơ tuyển đối với đấu thầu rộng rãi) là không bắt buộc.

Về lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, theo quy định tại khoản 3 Luật PPP, lựa chọn nhà đầu tư quốc tế được áp dụng đối với “tất cả các” dự án PPP, trừ trường hợp: (i) dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư; (ii) dự án bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước

** Vấn đề đặt ra:* Việc bắt buộc áp dụng sơ tuyển rộng rãi quốc tế và lựa chọn nhà đầu tư quốc tế có thể gây kéo dài thời gian, làm cho quá trình lựa chọn nhà đầu tư không hiệu quả.

*** Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 10, 11)**

Theo quy định tại h khoản 2 Điều 19 của Luật PPP, một trong các nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi là “kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư”. Như

vậy, thông qua bước khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư, có thể xác định được dự án có khả năng thu hút được nhà đầu tư quốc tế, số lượng nhà đầu tư tham gia.

Theo đó, dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định nội dung mời các nhà đầu tư quan tâm đầu tư dự án tại bước khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư. Căn cứ kết quả khảo sát, số lượng nhà đầu tư quan tâm (bao gồm nhà đầu tư nước ngoài), xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi “quốc tế” hoặc “trong nước”, có áp dụng “sơ tuyển” hoặc không áp dụng “sơ tuyển” tại quyết định phê duyệt dự án.

2.2. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư

* *Quy định tại Luật:* Khoản 4 và khoản 5 Điều 28 Luật PPP quy định đối tượng được hưởng ưu đãi khi đánh giá hồ sơ dự thầu gồm: (i) nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận và (ii) nhà đầu tư cam kết sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

*** Vấn đề đặt ra**

Nếu nhà đầu tư thành lập theo pháp luật nước ngoài trúng thầu, để thuận lợi trong triển khai thực hiện dự án PPP thì hầu hết đều đề xuất sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước. Như vậy, cần quy định tỷ lệ sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước như thế nào để được hưởng ưu đãi.

Các đối tượng khác nhau thì cần quy định mức ưu đãi khác nhau để vừa bảo đảm sự công bằng và khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư bỏ chi phí cho việc nghiên cứu và lập dự án, vừa bảo đảm khuyến khích sử dụng nhà thầu, vật tư trong nước.

*** Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 4)**

- Nhà đầu tư có đề xuất dự án được chấp thuận được hưởng mức ưu đãi 5%; nhà đầu tư cam kết hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước được hưởng mức ưu đãi 3%, cam kết sử dụng nhà thầu được hưởng mức ưu đãi 2%.

- Giá trị sử dụng nhà thầu, hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước chiếm tỷ lệ 25% tổng mức đầu tư của dự án.

2.3. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

* *Quy định tại Luật:* Điều 42 của Luật quy định về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

* *Vấn đề đặt ra:* Nghị định của Chính phủ phải quy định chi tiết về phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phù hợp với đặc thù dự án PPP.

* *Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Điều 19):* Dự thảo quy định sơ bộ tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết tại mẫu hồ sơ mời thầu.

2.4. Hình thức đàm phán cạnh tranh

* *Quy định tại Luật:* Đàm phán cạnh tranh là hình thức mới được quy định tại Luật PPP. Trong đó, Điều 38 của Luật PPP quy định 3 trường hợp áp dụng: (i) có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án được mời tham dự; (ii) dự án ứng dụng công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; (iii) dự án ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

*** Vấn đề đặt ra**

- Quy trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao và công nghệ mới thực hiện ngay sau khi quyết định chủ trương đầu tư. Thực tế dự án công nghệ cao, công nghệ mới có thể được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm dự thầu (ví dụ dự án xử lý rác thải tại Đà Nẵng có 27 nhà đầu tư quan tâm).

- Quy định về trường hợp dự án có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền giải trình trong việc xác định danh sách 03 nhà đầu tư được mời tham gia đàm phán.

*** Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định (Chương III)**

- Đối với dự án có không quá 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê duyệt danh sách nhà đầu tư mời tham dự đàm phán tại quyết định phê duyệt dự án.

- Đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới, danh sách ngắn nhà đầu tư được mời tham dự đàm phán được xác định thông qua thủ tục mời quan tâm.

- Dự thảo Nghị định đề xuất nội dung nguyên tắc đàm phán cạnh tranh, nội dung không được đàm phán với nhà đầu tư.

2.5. Một số vấn đề khác

(i) Về quy định chuyển tiếp của Nghị định

Đề nghị các thành viên Ban soạn thảo tổng hợp, thống kê các trường hợp có thể phát sinh trong quá trình chuyển tiếp Luật để có cơ sở hướng dẫn tại Nghị định. Trong đó, đề nghị:

- Đại diện Bộ Tư pháp cho ý kiến về tình huống chuyển tiếp, nội dung chuyển tiếp; tính pháp lý của các điều khoản chuyển tiếp đề xuất.

- Đại diện Bộ Công Thương cho ý kiến về trường hợp chuyển tiếp đối với các dự án BOT điện đang đàm phán hợp đồng.

- Đại diện Bộ Giao thông vận tải cho ý kiến về trường hợp chuyển tiếp đối với các dự án giao thông đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

- Đại diện các cơ quan khác cho ý kiến, cung cấp thông tin về các trường hợp vướng mắc trên thực chuyển tiếp đối với các dự án PPP đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư (đặc biệt là dự án BT).

(ii) Về việc xử lý đối với các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư trong các pháp luật có liên quan

**** Vấn đề đặt ra:***

Trước đây, phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu bao gồm việc lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP và dự án có sử dụng đất. Theo đó, các nội dung này được hướng dẫn chung tại Nghị định 25/2020/NĐ-CP.

Đến nay, quy định về lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP đã được hợp nhất tại Luật PPP và dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định này. Bên cạnh đó, Luật Đầu tư sửa đổi mới bổ sung quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (Điều 29).

**** Định hướng quy định tại dự thảo Nghị định***

Để xử lý các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư tại các Luật nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật PPP về lựa chọn nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung các quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP đối với những nội dung liên quan đến dự án PPP; toàn bộ quy định về dự án có sử dụng đất tại Nghị định 25/2020/NĐ-CP được giữ nguyên.

V. GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

(được bổ sung trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỦA CHÍNH PHỦ

(được bổ sung trên cơ sở tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTCP Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLĐT (Q)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về lựa chọn nhà đầu tư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về lựa chọn nhà đầu tư.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư

Nhà đầu tư tham dự thầu được đánh giá là độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu quy định tại Điều 30 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với nhà thầu tư vấn sau đây:

a) Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất.

b) Nhà thầu tư vấn thẩm tra, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ thiết kế, dự toán;

c) Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư tham dự thầu và nhà thầu tư vấn quy định tại khoản 1 Điều này không cùng có tỷ lệ sở hữu từ 30% vốn cổ phần, vốn góp trở lên của một tổ chức, cá nhân khác đối với từng bên.

Trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định bằng tổng tỷ lệ cổ phần, vốn góp tương ứng của từng thành viên trong liên danh.

3. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu không có tỷ lệ sở hữu vốn trên 49% cổ phần, vốn góp của nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu trong liên danh được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$$

Trong đó:

X_i : là tỷ lệ sở hữu vốn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu trong thành viên liên danh thứ i .

Y_i : là tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của thành viên liên danh thứ i tại thỏa thuận liên danh.

n : là số thành viên tham gia trong liên danh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chứng thư số* là chứng thư điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp để thực hiện lựa chọn nhà đầu tư qua mạng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. *Lựa chọn nhà đầu tư qua mạng* là lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện thông qua việc sử dụng Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. *Kiến nghị* là việc nhà đầu tư tham dự thầu đề nghị xem xét lại kết quả lựa chọn nhà đầu tư và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

4. *Thẩm định trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư* là việc kiểm tra, đánh giá hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư để làm cơ sở xem xét, quyết định phê duyệt các nội dung trong lựa chọn nhà đầu tư.

5. *Thời điểm đóng thầu* là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu.

6. *Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu* là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

7. *Tổ chuyên gia* gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được bên mời thầu hoặc đơn vị tư vấn lựa chọn nhà đầu tư thành lập để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu và thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 4. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi:

a) Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất dự án được chấp thuận được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu;

b) Nhà đầu tư cam kết sử dụng hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước có giá trị chiếm tỷ lệ từ [25]% tổng mức đầu tư của dự án trở lên khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư theo phương thức PPP. Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi này được hưởng mức ưu đãi 3% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

Giá trị hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước được tính như sau:

$$V_{hh} = V_1 + V_2 + \dots + V_n$$

Trong đó: Vhh là tổng giá trị hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước nhà đầu tư cam kết sử dụng; V1, V2, ..., Vn là giá trị hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước thứ nhất, thứ hai, ..., thứ n.

Hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong nước nhà đầu tư cam kết sử dụng được hưởng ưu đãi khi nhà đầu tư chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ [75]% trở lên trong giá hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước được tính theo công thức sau đây:

$$D (\%) = G^*/G (\%)$$

Trong đó:

- D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị;

- G*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ dự thầu trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí;

- G: Là giá chào của hàng hóa, vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ dự thầu, trừ đi giá trị thuế.

c) Nhà đầu tư cam kết sử dụng nhà thầu trong nước để thực hiện phần công việc của dự án có giá trị chiếm tỷ lệ từ [25]% tổng mức đầu tư của dự án trở lên khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư theo phương thức PPP. Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi này được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

2. Nguyên tắc ưu đãi

a) Trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu thuộc đối tượng ưu đãi được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của hồ sơ mời thầu.

b) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà đầu tư có đề xuất dự án được chấp thuận.

3. Cách tính ưu đãi:

a) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn giá, phí sản phẩm, dịch vụ công để so sánh, xếp hạng khi đánh giá hồ sơ dự thầu, nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được trừ đi một khoản tiền bằng mức ưu đãi nhân với giá, phí sản phẩm, dịch vụ vào giá, phí sản phẩm, dịch vụ của nhà đầu tư đó để so sánh, xếp hạng;

b) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để so sánh, xếp hạng, nhà đầu tư thuộc đối tượng

ưu đãi được trừ đi một khoản tiền bằng mức ưu đãi nhân với phần vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng vào phần vốn nhà nước hỗ trợ mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng.

c) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước để so sánh, xếp hạng, nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được cộng thêm một khoản tiền bằng mức ưu đãi nhân với phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước hoặc trừ đi một khoảng thời gian bằng 5% vào khoảng thời gian thực hiện hợp đồng mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng.

d) Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn kết hợp, nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo tỷ trọng của phương pháp kết hợp nhưng tổng giá trị ưu đãi không vượt quá 5%.

Điều 5. Đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư

1. Trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia:

a) Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại điểm e và điểm h khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị đầu mối quản lý hoạt động đầu tư PPP có trách nhiệm đăng tải thông tin dự án PPP quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

c) Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư, thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn, doanh nghiệp dự án; nội dung chính của hợp đồng dự án PPP; giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP (trường hợp có sử dụng) quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

đ) Nhà đầu tư có trách nhiệm tự đăng tải và cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình vào cơ sở dữ liệu nhà đầu tư theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Đối với dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước, việc công khai thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo đảm bí mật nhà nước.

3. Trường hợp phát hiện các thông tin không hợp lệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để các đơn vị cung cấp thông tin biết, chỉnh sửa, hoàn thiện để được đăng tải theo quy định.

4. Ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời sơ tuyển quốc tế, thông báo mời thầu quốc tế lên trang thông tin điện tử hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam.

Điều 6. Thời hạn đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với thông tin về thông báo mời sơ tuyển quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, bên mời thầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển kèm theo thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với thông báo mời thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu theo thời gian quy định trong thông báo mời thầu nhưng bảo đảm tối thiểu là 03 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên các thông tin này được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Đối với thông tin về quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án PPP; danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; thông tin về nhà đầu tư được lựa chọn, doanh nghiệp dự án; nội dung chính của hợp đồng dự án PPP; giá trị quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP (trường hợp có sử dụng) quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, các tổ chức chịu trách nhiệm đăng tải thông tin phải bảo đảm thời điểm đăng tải thông tin không muộn hơn 07 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày các tổ chức tự đăng tải thông tin quy định tại các điểm về thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư theo phương thức PPP lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu có trách nhiệm đăng tải 01 kỳ trên Báo Đấu thầu.

Điều 7. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư

1. Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành ngay cùng thông báo mời sơ tuyển trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Hồ sơ mời thầu được phát hành sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc gửi thư mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu.

3. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển tối thiểu là 30 ngày, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư phải nộp hồ sơ dự sơ tuyển trước thời điểm đóng thầu.

4. Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 60 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước hoặc 90 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu cho đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư phải nộp hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu.

5. Thời gian đăng tải thông báo sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ

mời thầu đến các nhà đầu tư đã nhận hồ sơ mời thầu tối thiểu là 15 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước và 25 ngày đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế trước ngày có thời điểm đóng thầu; Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ không đáp ứng quy định tại khoản này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.

6. Thời hạn bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu theo đường bưu điện, fax không muộn hơn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt.

7. Trường hợp dự án áp dụng sơ tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền, đơn vị được giao nhiệm vụ phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn chịu trách nhiệm về tiến độ các hoạt động trong quá trình sơ tuyển.

8. Đối với các thời hạn khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng các hoạt động trong lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 8. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước, mức giá bán (bao gồm cả thuế) của một bộ hồ sơ mời thầu không quá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; hồ sơ mời sơ tuyển không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng. Đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế, mức giá bán (bao gồm cả thuế) của một bộ hồ sơ mời thầu không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng; hồ sơ mời sơ tuyển không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển; đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định kết quả sơ tuyển:

a) Chi phí lập hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng;

c) Chi phí đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

d) Chi phí thẩm định kết quả sơ tuyển được tính bằng 0,01% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. Chi phí lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư:

a) Chi phí lập hồ sơ mời thầu được tính bằng 0,05% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

b) Chi phí thẩm định đối với từng nội dung về hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà đầu tư được tính bằng 0,02% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

c) Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu được tính bằng 0,03% tổng mức đầu tư nhưng tối thiểu là 10.000.000 (mười triệu) đồng và tối đa là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

4. Đối với các dự án có nội dung tương tự nhau thuộc cùng một cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và cùng một bên mời thầu tổ chức thực hiện, các dự án phải tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư thì các chi phí: Lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu được tính tối đa 50% mức đã chi cho các nội dung chi phí quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này. Trường hợp tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư thì phải tính toán để bổ sung chi phí này vào chi phí chuẩn bị đầu tư.

5. Chi phí quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này áp dụng đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu trực tiếp thực hiện. Đối với trường hợp thuê tư vấn lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện các công việc nêu tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này, việc xác định chi phí dựa trên các nội dung và phạm vi công việc, thời gian thực hiện, năng lực, kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn, định mức lương theo quy định và các yếu tố khác.

Trường hợp không có quy định về định mức lương chuyên gia thì việc xác định chi phí lương chuyên gia căn cứ thống kê kinh nghiệm đối với các chi phí đã chi trả cho chuyên gia tại các dự án tương tự đã thực hiện trong khoảng thời gian xác định hoặc trong tổng mức đầu tư.

6. Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tối đa là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

7. Chi phí đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư, chi phí tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ nguồn chi phí này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

8. Việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 9. Tổ chuyên gia

1. Căn cứ theo tính chất và mức độ phức tạp của dự án, thành phần tổ chuyên gia bao gồm các chuyên gia về lĩnh vực kỹ thuật, tài chính, thương mại, hành chính, pháp lý và các lĩnh vực có liên quan.

2. Cá nhân khi tham gia tổ chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu;
- b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến dự án;
- c) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của dự án;
- d) Am hiểu các nội dung cụ thể tương ứng của dự án;
- đ) Có tối thiểu 05 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến dự án.

3. Trong trường hợp đặc biệt cần có ý kiến của các chuyên gia chuyên ngành thì không bắt buộc các chuyên gia này phải có chứng chỉ đào tạo về lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP

1. Tỷ lệ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Đối với dự án có tổng mức đầu tư đến [1.500] tỷ đồng, giá trị bảo đảm thực hiện được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 1,5% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Đối với dự án có tổng mức đầu tư trên [1.500] tỷ đồng, giá trị bảo đảm thực hiện được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 01% đến 1,5% tổng mức đầu tư của dự án.

2. Trường hợp phương án tài chính của nhà đầu tư trúng thầu có các thông số đầu vào hoặc nhà đầu tư đề xuất giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, đề xuất nộp ngân sách nhà nước bất thường ảnh hưởng đến chất lượng công trình, hệ thống cơ sở được cung cấp, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền biện pháp phòng ngừa rủi ro. Trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án PPP lớn hơn 3% nhưng không quá 10% tổng mức đầu tư của dự án.

Chương II

QUY TRÌNH ĐẦU THẦU RỘNG RÃI

Mục 1

SƠ TUYỂN

Điều 11. Quy trình sơ tuyển chi tiết

1. Chuẩn bị sơ tuyển, bao gồm:
 - a) Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư;
 - b) Lập hồ sơ mời sơ tuyển;
 - c) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển.
2. Tổ chức sơ tuyển, bao gồm:
 - a) Thông báo mời sơ tuyển;
 - b) Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển;
 - c) Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự sơ tuyển;
 - d) Mở thầu.
3. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.
4. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả sơ tuyển và công khai danh sách ngắn.

Điều 12. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

1. Đăng tải thông báo mời quan tâm
 - a) Đăng tải thông báo mời quan tâm

Trong quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, đơn vị chuẩn bị dự án đăng tải thông báo mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư.

Ngoài trách nhiệm đăng tải thông tin tại điểm a khoản này, đơn vị chuẩn bị dự án có trách nhiệm đăng tải thông báo mời quan tâm lên trang thông tin điện tử hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam đối với tất cả các dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

- c) Nội dung thông báo mời quan tâm bao gồm:
 - Thông tin dự án tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

- Tên đơn vị chuẩn dự án, thời gian tổ chức lấy ý kiến khảo sát của các nhà đầu tư;

- Thời hạn để nhà đầu tư nộp văn bản đăng ký quan tâm thực hiện dự án;
- Các thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Nộp văn bản đăng ký quan tâm thực hiện dự án

a) Nhà đầu tư quan tâm nộp văn bản đăng ký quan tâm thực hiện dự án tới đơn vị chuẩn bị dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hết thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án, đơn vị chuẩn bị dự án tổ chức trao đổi về các nội dung dự kiến của báo cáo nghiên cứu khả thi, nhu cầu thực hiện dự án với các nhà đầu tư nộp văn bản đăng ký quan tâm.

Điều 13. Áp dụng sơ tuyển

Căn cứ kết quả khảo sát, đơn vị chuẩn bị dự án xác định số lượng nhà đầu tư đăng ký quan tâm thực hiện dự án, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư tại hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án theo một trong các trường hợp sau đây:

1. Trường hợp có từ 05 nhà đầu tư trở lên, trong đó có nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án, việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế có sơ tuyển.

2. Trường hợp có từ 05 nhà đầu tư trở lên, trong đó không có nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án, việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước có sơ tuyển.

3. Trường hợp có không quá 05 nhà đầu tư đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án, trong đó có nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án, việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế.

4. Trường hợp có không quá 05 nhà đầu tư, trong đó không có nhà đầu tư được thành lập theo pháp luật nước ngoài đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án, việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước.

Điều 14. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển

1. Lập hồ sơ mời sơ tuyển:

Nội dung hồ sơ mời sơ tuyển bao gồm:

a) Thông tin chỉ dẫn nhà đầu tư: Nội dung cơ bản của dự án và các nội

dung chỉ dẫn nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.

b) Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

c) Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm:

- Năng lực tài chính - thương mại, khả năng thu xếp vốn; năng lực triển khai thực hiện dự án; kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự. Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% trong liên danh;

- Kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Trong đó:

Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, nhà đầu tư độc lập hoặc liên danh phải có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BOT, BTO, BOO, BTL, BLT, hợp đồng hỗn hợp, nhà đầu tư phải có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công hoặc có thỏa thuận hợp tác với đối tác có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công tương tự. Trường hợp liên danh, phải có ít nhất một thành viên liên danh có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công hoặc nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có thỏa thuận hợp tác với đối tác có kinh nghiệm vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công tương tự;

- Phương án sơ bộ triển khai thực hiện dự án và cam kết thực hiện dự án;

- Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các hợp đồng đã và đang thực hiện.

d) Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển được thực hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển nêu trong hồ sơ mời sơ tuyển. Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư. Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm phải quy định mức điểm tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 60% tổng số điểm và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn 50% điểm tối đa của nội dung đó.

2. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển:

a) Bên mời thầu trình cơ quan có thẩm quyền dự thảo hồ sơ mời sơ tuyển và các tài liệu liên quan đồng thời gửi đơn vị thẩm định;

b) Việc thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Nghị định này;

c) Việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển phải bằng văn bản, căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển.

Điều 15. Thông báo mời sơ tuyển, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển; gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự sơ tuyển

1. Thông báo mời sơ tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển:

a) Hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này. Đối với nhà đầu tư liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời sơ tuyển, kể cả trường hợp chưa hình thành liên danh khi mua hồ sơ mời sơ tuyển. Nhà đầu tư quan tâm tải tệp tin (file) hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia làm cơ sở để lập hồ sơ dự sơ tuyển dự án PPP.

b) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

c) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển thì nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Đăng tải văn bản làm rõ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho các nhà đầu tư đã mua hoặc nhận hồ sơ mời sơ tuyển;

- Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời sơ tuyển mà các nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển gửi cho các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời sơ tuyển;

- Nội dung làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển không được trái với nội dung của hồ sơ mời sơ tuyển đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển thì việc sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển là một phần của hồ sơ mời sơ tuyển.

3. Gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự sơ tuyển:

Trường hợp gia hạn thời gian nộp hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu đăng tải thông báo gia hạn kèm theo quyết định phê duyệt gia hạn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trong đó nêu rõ các thông tin sau: lý do gia hạn; thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự sơ tuyển sau khi gia hạn.

Điều 16. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự sơ tuyển và mở thầu

1. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự sơ tuyển:

a) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự sơ tuyển trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ mời sơ tuyển.

b) Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự sơ tuyển của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu. Bất kỳ tài liệu nào được nhà đầu tư gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà đầu tư gửi đến để làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư.

c) Khi muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự sơ tuyển đã nộp, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị gửi đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự sơ tuyển của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

d) Bên mời thầu phải tiếp nhận hồ sơ dự sơ tuyển của tất cả các nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận hồ sơ mời sơ tuyển trực tiếp từ bên mời thầu. Trường hợp chưa mua hồ sơ mời sơ tuyển thì nhà đầu tư phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán hồ sơ mời sơ tuyển trước khi hồ sơ dự sơ tuyển được tiếp nhận.

2. Mở thầu:

Hồ sơ dự sơ tuyển nộp theo thời gian và địa điểm quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển sẽ được mở công khai và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Việc mở hồ sơ dự sơ tuyển phải được ghi thành biên bản và biên bản mở thầu phải được gửi cho các nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển. Hồ sơ dự sơ tuyển được gửi đến sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại.

Điều 17. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

1. Việc đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời sơ tuyển. Hồ sơ dự sơ tuyển của nhà đầu tư có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; hồ sơ dự sơ tuyển của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất; trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn tối thiểu 03 và tối đa 05 nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.

2. Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển:

a) Sau khi mở thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự sơ tuyển của nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm;

b) Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà đầu tư phát hiện hồ sơ dự sơ tuyển thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để làm rõ. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự sơ tuyển;

c) Việc làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có hồ sơ dự sơ tuyển cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự sơ tuyển. Việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu.

Điều 18. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả sơ tuyển và công khai danh sách ngắn

1. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, bên mời thầu trình phê duyệt kết quả sơ tuyển, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

2. Kết quả sơ tuyển phải được thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định này trước khi phê duyệt.

3. Kết quả sơ tuyển phải được phê duyệt bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định kết quả sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải bao gồm tên các nhà đầu tư trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do

không lựa chọn được danh sách ngắn.

4. Công khai danh sách ngắn: Danh sách ngắn phải được đăng tải theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này và gửi thông báo đến các nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

Mục 2

CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Lập hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

- a) Quyết định phê duyệt dự án; hồ sơ dự án và các tài liệu liên quan;
- b) Kết quả sơ tuyển (nếu có);
- c) Các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước có liên quan.

2. Nội dung hồ sơ mời thầu:

a) Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng;

b) Hồ sơ mời thầu được lập phải có đầy đủ các thông tin để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Thông tin chung về dự án bao gồm nội dung và phạm vi dự án, mô tả yêu cầu về mặt kỹ thuật của dự án, các dịch vụ được cung cấp khi dự án hoàn thành;

- Chỉ dẫn đối với nhà đầu tư bao gồm thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và bảng dữ liệu lựa chọn nhà đầu tư;

- Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

- Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để triển khai dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định này (đối với dự án không áp dụng sơ tuyển);

- Yêu cầu về dự án theo quyết định phê duyệt dự án (hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới), bao gồm:

- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại và phương pháp đánh giá các nội dung này;

- Các biểu mẫu dự thầu bao gồm đơn dự thầu, đề xuất về mặt kỹ thuật, đề xuất về tài chính - thương mại, bảo đảm dự thầu, cam kết của tổ chức tài chính (nếu có) và các biểu mẫu khác;

- Loại hợp đồng dự án, điều kiện của hợp đồng và dự thảo hợp đồng bao gồm: các yêu cầu thực hiện dự án, tiêu chuẩn chất lượng công trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ, cơ chế về giá, phí các quy định áp dụng, thưởng phạt hợp đồng, trường hợp bất khả kháng, việc xem xét lại hợp đồng trong quá trình vận hành dự án và các nội dung khác.

Điều 20. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:

a) Đối với dự án đã áp dụng sơ tuyển, hồ sơ mời thầu không cần quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm song cần yêu cầu nhà đầu tư cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm của mình;

b) Đối với dự án không áp dụng sơ tuyển, tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định này.

2. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về mặt kỹ thuật:

a) Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, bao gồm:

- Độ chính xác về mặt kỹ thuật (tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật tối thiểu, công suất, hiệu suất);

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công;

- Khả thi về mặt vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng;

- Tiêu chuẩn về môi trường và an toàn;

- Tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật khác (nếu cần thiết).

Khi lập hồ sơ mời thầu phải xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điểm này, phù hợp với từng dự án cụ thể và đảm bảo nhà đầu tư được lựa chọn đáp ứng yêu cầu về kết quả đầu ra của việc thực hiện dự án. Trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật có thể bổ sung các tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật khác phù hợp với từng dự án cụ thể.

b) Phương pháp đánh giá về mặt kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 hoặc phương pháp đánh giá đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết.

Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000, phải quy định mức tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về chất lượng, công suất, hiệu suất; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; môi trường và an toàn và các yêu cầu chính khác không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó. Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các nội dung quy định tại điểm a khoản này phải phù hợp với từng loại hợp đồng dự án cụ thể nhưng bảo đảm tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.

Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đối với phương pháp đánh giá đạt, không đạt, phải quy định hồ sơ đề xuất về kỹ thuật phải đạt tất cả tiêu chuẩn để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

3. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại

a) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại

Căn cứ quy mô, tính chất và loại hợp đồng dự án cụ thể, tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại bao gồm:

- Giá trị hiện tại của giá, phí sản phẩm, dịch vụ công;
- Mức độ hỗ trợ tài chính của Nhà nước (vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng);
- Lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước nhà đầu tư đề xuất. Lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước đánh giá thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách bằng tiền (ngoài các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành) hoặc thời gian thực hiện;
- Tính khả thi về mặt tài chính – thương mại (bao gồm tính phù hợp của chi phí cho hoạt động thiết kế và xây dựng, chi phí vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng);
- Tính hợp lý của các thỏa thuận tài chính được đề xuất;
- Mức độ chấp thuận các điều khoản hợp đồng được đề xuất liên quan đến việc phân bổ rủi ro hoặc các khoản bồi thường;
- Tiêu chuẩn tài chính – thương mại khác (nếu cần thiết).

Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về tài chính – thương mại, phải quy định

hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại phải đạt tất cả tiêu chuẩn để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu.

b) Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

Trong hồ sơ dự thầu phải xác định một trong các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại điểm a khoản này để so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính – thương mại. Các tiêu chuẩn đánh giá khác về tài chính – thương mại và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong hồ sơ mời thầu. Nhà đầu tư xếp thứ nhất được xem xét đề nghị trúng thầu.

Điều 21. Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu

1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Nghị định này trước khi phê duyệt.

2. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

Mục 3

TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 22. Mời thầu, phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu

1. Mời thầu

a) Đối với dự án đã áp dụng sơ tuyển, thư mời thầu được gửi đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm phát hành hồ sơ mời thầu, thời gian đóng thầu, mở thầu.

b) Đối với dự án không áp dụng sơ tuyển, thông báo mời thầu được đăng tải theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu

a) Hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn đối với dự án phải áp dụng sơ tuyển. Trường hợp không áp dụng sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư tham gia lựa chọn nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh mua hồ sơ mời thầu.

b) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời thầu sau khi phát hành, bên mời thầu phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi hồ sơ mời thầu đến các nhà đầu tư đã mua hoặc nhận hồ sơ mời thầu.

c) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời thầu thì nhà đầu tư phải gửi văn bản

đề nghị đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tối thiểu 07 ngày làm việc (đối với lựa chọn nhà đầu tư trong nước), 15 ngày (đối với lựa chọn nhà đầu tư quốc tế) trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Việc làm rõ hồ sơ mời thầu được bên mời thầu thực hiện theo một hoặc các hình thức sau đây:

- Đăng tải Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản làm rõ cho các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời thầu;

- Trong trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong hồ sơ mời thầu mà nhà đầu tư chưa rõ. Nội dung trao đổi phải được bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu gửi cho các nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời thầu.

Nội dung làm rõ hồ sơ mời thầu không được trái với nội dung của hồ sơ mời thầu đã duyệt. Trường hợp sau khi làm rõ hồ sơ mời thầu dẫn đến phải sửa đổi hồ sơ mời thầu thì việc sửa đổi hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Quyết định sửa đổi, văn bản làm rõ hồ sơ mời thầu là một phần của hồ sơ mời thầu.

Điều 23. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

2. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ các thông tin được công khai khi mở thầu. Hồ sơ dự thầu được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở, không hợp lệ và bị loại. Bất kỳ tài liệu nào được nhà đầu tư gửi đến sau thời điểm đóng thầu để sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự thầu đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu nhà đầu tư gửi đến để làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

3. Khi muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà đầu tư phải có văn bản đề nghị gửi đến bên mời thầu hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.

Điều 24. Mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

1. Việc mở hồ sơ đề xuất về mặt kỹ thuật phải được tiến hành công khai

và bắt đầu ngay trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu, bao gồm cả trường hợp chỉ có một nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu. Chỉ tiến hành mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật mà bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà đầu tư.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng hồ sơ dự thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong;

- Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; đơn dự thầu thuộc đề xuất về kỹ thuật; thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; thời gian thực hiện hợp đồng; giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu; các thông tin khác liên quan.

3. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại khoản 2 Điều này phải được ghi vào biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà đầu tư tham dự thầu.

4. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

5. Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của tất cả các nhà đầu tư phải được bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của bên mời thầu, nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.

Điều 25. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư để bảo đảm lựa chọn được nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm, có phương án kỹ thuật, tài chính - thương mại khả thi để thực hiện dự án.

2. Việc đánh giá được thực hiện trên bản chụp, nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác [không nghiêm trọng] giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

3. Trường hợp có sự sai khác [nghiêm trọng] giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đó bị loại.

Điều 26. Làm rõ hồ sơ dự thầu

1. Sau khi mở thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Việc làm rõ đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính - thương mại nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, đối với dự án không áp dụng sơ tuyển, nếu nhà đầu tư phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà đầu tư có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Điều 27. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính - thương mại và các lỗi khác.

2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong hồ sơ dự thầu so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

3. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch và việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch nội dung đó. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi bên mời thầu về các nội dung sau đây:

a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư đó sẽ bị loại;

b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để bên mời thầu xem xét, quyết định.

Mục 4**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT
VỀ TÀI CHÍNH – THƯƠNG MẠI****Điều 28. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật**

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc đề xuất về kỹ thuật, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư (đối với dự án không áp dụng sơ tuyển); đề xuất về kỹ thuật; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;

b) Có đơn dự thầu thuộc đề xuất về kỹ thuật được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu;

d) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

đ) Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ đề xuất về kỹ thuật với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có);

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Đối với dự án đã áp dụng sơ tuyển, nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. Trường hợp có sự thay đổi so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư phải được cập nhật và tổ chức đánh giá theo tiêu chuẩn và phương pháp trong hồ sơ mời sơ tuyển;

b) Đối với dự án không áp dụng sơ tuyển, việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực và kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

4. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật.

5. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

a) Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật thì được xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

Điều 29. Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật

Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật phải được phê duyệt bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật. Bên mời thầu phải thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu, trong đó mời các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

Điều 30. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại

1. Kiểm tra niêm phong túi đựng các hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

2. Mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại:

a) Chỉ tiến hành mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trước sự chứng

kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại. Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà đầu tư.

b) Yêu cầu đại diện từng nhà đầu tư tham dự mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại xác nhận việc có hoặc không có thư đề xuất giảm giá dịch vụ hoặc giảm phần vốn góp của Nhà nước hoặc tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của mình.

c) Việc mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại được thực hiện đối với từng hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật và theo trình tự sau đây:

- Kiểm tra niêm phong;

- Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại; đơn dự thầu thuộc đề xuất về tài chính - thương mại; thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại; tổng mức đầu tư và tổng vốn của dự án, giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước (nếu có), phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền ghi trong đơn dự thầu (nếu có); điểm kỹ thuật của các hồ sơ dự thầu được đánh giá đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật (trường hợp áp dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000); các thông tin khác liên quan.

3. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính:

a) Các thông tin nêu tại các khoản 1 và 2 Điều này phải được ghi vào biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại. Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà đầu tư tham dự mở hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại. Biên bản này phải được gửi cho các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;

b) Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

Điều 31. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại

1. Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, bao gồm:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

b) Kiểm tra các thành phần của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại; các thành phần khác thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại:

Hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại;

b) Có đơn dự thầu thuộc hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; tổng mức đầu tư và tổng mức đầu tư của dự án, giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước, phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với phương án tài chính của nhà đầu tư, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Hiệu lực của hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về tài chính - thương mại.

3. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại và xếp hạng nhà đầu tư:

a) Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại và xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu.

b) Sau khi lựa chọn được danh sách xếp hạng nhà đầu tư, tổ chuyên gia lập báo cáo gửi bên mời thầu xem xét. Trong báo cáo phải nêu rõ các nội dung sau đây:

- Danh sách nhà đầu tư được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng;
- Danh sách nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu và bị loại; lý do loại nhà đầu tư;
- Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp chưa bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, phải nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý;

- Những nội dung của hồ sơ mời thầu chưa phù hợp với quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình thực hiện hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có); đề xuất biện pháp xử lý.

4. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép nhà đầu tư xếp thứ nhất vào đàm phán sơ bộ hợp đồng để tạo thuận lợi cho việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Mục 5

TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 32. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

1. Trên cơ sở báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia.

2. Kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 73 Nghị định này trước khi phê duyệt.

3. Kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được phê duyệt bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

4. Trường hợp lựa chọn được nhà đầu tư trúng thầu, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên dự án, địa điểm và quy mô của dự án;

b) Tên nhà đầu tư trúng thầu;

c) Loại hợp đồng;

d) Thời hạn khởi công, hoàn thành xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công trình dự án;

đ) Các điều kiện sử dụng đất để thực hiện dự án (địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian sử dụng đất);

e) Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của dự án;

g) Giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước hoặc phần nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng;

h) Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

5. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, trong văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn

nhà đầu tư hoặc văn bản quyết định hủy thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu.

Điều 33. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu phải đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Nghị định này; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

1. Thông tin quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định này;
2. Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;
3. Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn.

Mục 6

ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Điều 34. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán, hoàn thiện hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.
2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:
 - a) Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;
 - b) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi hồ sơ dự thầu (nếu có) của nhà đầu tư;
 - c) Hồ sơ mời thầu.
3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:
 - a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
 - b) Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không được làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu.
4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng:

a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, giữa các nội dung khác nhau trong hồ sơ dự thầu có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án;

c) Ngoài những nội dung quy định tại điểm a và b khoản này, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng cần thiết khác phù hợp với loại hợp đồng của dự án.

5. Trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, các bên tham gia tiến hành hoàn thiện căn cứ để ký kết hợp đồng dự án, dự thảo hợp đồng, các thay đổi đối với các điều khoản đặc biệt của hợp đồng (nếu có).

6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công thì bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

Điều 35. Ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án PPP

1. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định tại các Điều 46, 47, 48 và 49 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng dự án, bên mời thầu có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Nội dung thông tin được công khai bao gồm:

- a) Tên dự án; số hiệu hợp đồng, thời điểm ký kết hợp đồng;
- b) Tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền; cơ quan ký kết hợp đồng;
- c) Tên, địa chỉ của nhà đầu tư; tên, địa chỉ của doanh nghiệp dự án được thành lập;
- d) Địa điểm thực hiện dự án, diện tích đất sử dụng;
- đ) Các thông số cơ bản để giám sát chất lượng công trình, dịch vụ nhà đầu tư cung cấp trong giai đoạn vận hành;

e) Tổng mức đầu tư; vốn nhà đầu tư góp và huy động; phần vốn nhà nước trong dự án PPP (nếu có);

g) Loại hợp đồng, thời hạn hợp đồng, thời điểm dự kiến chuyển giao công trình dự án (nếu có);

h) Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; hình thức và địa điểm thu giá, phí (nếu có);

i) Các thông tin cần thiết khác.

4. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án dẫn đến thay đổi thông tin quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cập nhật trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày ký kết phụ lục hợp đồng.

5. Thông tin quy định tại khoản 3 Điều này được khuyến khích đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

CHƯƠNG III

ĐÀM PHÁN CẠNH TRANH

Mục 1

LỰA CHỌN DANH SÁCH NGẮN

Điều 36. Xác định danh sách ngắn đối với dự án quy định khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP

1. Đối với dự án thuộc trường hợp chỉ định thầu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP nhưng vẫn có thể áp dụng hình thức đàm phán cạnh tranh thì khuyến khích áp dụng.

2. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm xác định danh sách ngắn có không quá ba nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. Danh sách ngắn được phê duyệt cùng với hình thức lựa chọn nhà đầu tư tại quyết định phê duyệt dự án theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

Điều 37. Xác định danh sách ngắn đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP

1. Đăng tải thông tin dự án

a) Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư của dự án được phê duyệt, bên mời thầu đăng tải thông tin dự án PPP kèm theo thông báo mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để khảo sát sự quan tâm của các nhà đầu tư.

b) Ngoài trách nhiệm đăng tải thông tin tại điểm a khoản này, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời quan tâm lên trang thông tin điện tử hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam đối với tất cả các dự án, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

c) Nội dung thông báo mời quan tâm bao gồm:

- Thông tin dự án tại quyết định chủ trương đầu tư của dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

- Tên bên mời thầu, thời gian tổ chức đàm phán cạnh tranh;

- Yêu cầu về tài liệu chứng minh giải pháp kỹ thuật hiện dự án mà nhà đầu tư dự kiến đề xuất thực thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc dự án ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

[- Yêu cầu sơ bộ về vốn chủ sở hữu, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự của nhà đầu tư;]

- Thời hạn để nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án;

- Thông tin về địa chỉ của bên mời thầu;

- Các thông tin khác (nếu cần thiết).

2. Chuẩn bị, nộp và đánh giá hồ sơ đăng ký quan tâm đầu tư

a) Nhà đầu tư quan tâm chịu trách nhiệm chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án tới bên mời thầu căn cứ nội dung thông tin được công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hồ sơ đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Hết thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án, bên mời thầu tổ chức đánh giá sơ bộ hồ sơ đăng ký quan tâm đầu tư thực hiện dự án của các nhà đầu tư đã gửi hồ sơ. Nhà đầu tư chứng minh có giải pháp về công nghệ thực hiện dự án, đáp ứng yêu cầu sơ bộ về vốn chủ sở hữu, kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn.

c) Căn cứ kết quả đánh giá, bên mời thầu phê duyệt danh sách ngắn các nhà đầu tư được mời tham gia đàm phán cạnh tranh. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn tối thiểu 03 và tối đa [05] nhà đầu tư vào danh sách ngắn.

Điều 38. Đăng tải danh sách ngắn

Căn cứ danh sách ngắn được xác định theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 Nghị định này, bên mời thầu đăng tải danh sách ngắn các nhà đầu tư được mời tham gia đàm phán cạnh tranh trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 của Nghị định này.

Mục 2

CHUẨN BỊ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 39. Lập hồ sơ mời đàm phán

1. Căn cứ lập hồ sơ mời đàm phán

a) Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án có không quá ba nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án;

b) Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới;

b) Hồ sơ dự án và các tài liệu liên quan;

c) Các quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ mời đàm phán phải có các thông tin cơ bản để nhà đầu tư lập hồ sơ dự đàm phán, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

b) Tổng mức đầu tư; phương án tài chính của dự án; dự kiến vốn nhà nước trong dự án và hình thức quản lý, sử dụng tương ứng (nếu có); khả năng huy động vốn để thực hiện dự án; phương án tổ chức quản lý, kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;

c) Yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật, chất lượng, công suất, hiệu suất; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; môi trường an toàn;

d) Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;

đ) Loại hợp đồng dự án PPP;

e) Các nội dung không được đàm phán bao gồm:

- Cơ chế bảo đảm đầu tư, cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu;

- Khung giá, phí sản phẩm, dịch vụ công đối với dự án áp dụng cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng

- Loại hợp đồng của dự án; các nội dung dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 18 của Luật Đầu tư theo

phương thức PPP (đối với dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP) hoặc dẫn đến điều chỉnh dự án (đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP);

- Các nội dung liên quan khác;

g) Nội dung biên bản đàm phán; kế hoạch đàm phán, trong đó bao gồm số lần/vòng đàm phán với các nhà đầu tư trong danh sách ngắn;

h) Nội dung cần thiết khác (nếu có).

Điều 40. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời đàm phán

1. Hồ sơ mời đàm phán được thẩm định theo quy định tại Điều 72 của Nghị định này trước khi phê duyệt;

2. Việc phê duyệt hồ sơ mời đàm phán phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời đàm phán.

Điều 41. Tổ chức đàm phán

1. Gửi thư mời thầu

Thư mời thầu được gửi đến các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm nộp hồ sơ dự đàm phán; thời gian, địa điểm đàm phán với từng nhà đầu tư. Việc đàm phán được thực hiện với từng nhà đầu tư theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư trong danh sách ngắn.

2. Phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời đàm phán

a) Hồ sơ mời đàm phán được phát hành miễn phí cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn. Đối với nhà đầu tư liên danh, chỉ cần một thành viên trong liên danh nhận hồ sơ mời đàm phán.

b) Trường hợp sửa đổi hồ sơ mời đàm phán sau khi phát hành, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kèm theo quyết định sửa đổi và những nội dung sửa đổi hồ sơ mời đàm phán tới các nhà đầu tư có tên trong danh sách ngắn.

c) Trường hợp cần làm rõ hồ sơ mời đàm phán, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự đàm phán hoặc thực hiện trong quá trình đàm phán.

3. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự đàm phán

a) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trong việc chuẩn bị và nộp hồ sơ dự đàm phán theo yêu cầu của hồ sơ mời đàm phán.

b) Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự đàm phán đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật. Nhà đầu tư được sửa đổi, bổ sung, làm rõ hồ sơ dự

đàm phán trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức đàm phán với nhà đầu tư đó hoặc tại quá trình đàm phán trong trường hợp cần thiết.

4. Mở hồ sơ dự đàm phán

Hồ sơ dự đàm phán nộp theo thời gian và địa điểm quy định tại hồ sơ mời đàm phán sẽ được công khai giữa từng nhà đầu tư được mời vào đàm phán và bên mời thầu.

Điều 42. Nguyên tắc đàm phán cạnh tranh

Việc đàm phán cạnh tranh phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Công bằng, minh bạch, khách quan giữa các nhà đầu tư. Việc đàm phán phải căn cứ theo yêu cầu của hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ dự đàm phán và các tài liệu giải thích, làm rõ của các nhà đầu tư.

2. Bảo mật các nội dung được đàm phán; không được tiết lộ nội dung đàm phán của nhà đầu tư cho các nhà đầu tư còn lại hoặc tiết lộ các nội dung liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, bí mật thương mại, công nghệ, huy động vốn cần bảo mật của nhà đầu tư được đàm phán với các nhà đầu tư còn lại.

3. Không được sử dụng ưu đãi, [lợi thế] của nhà đầu tư trong danh sách ngắn hoặc nhà đầu tư khác ngoài danh sách ngắn để gây áp lực trong đàm phán với các nhà đầu tư còn lại.

4. Không được sửa đổi thông tin dự án, tiêu chuẩn đánh giá sơ bộ, yêu cầu tối thiểu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ của dự án.

5. Kết quả đàm phán là cơ sở để hoàn thiện hồ sơ mời thầu, không có tính ràng buộc nội dung hồ sơ mời thầu phải theo đề xuất của nhà đầu tư. Tất cả các nhà đầu tư tham gia đàm phán được gửi thư mời thầu và được phát hành hồ sơ mời thầu.

Điều 43. Tổ chức đàm phán

1. Bên mời thầu tiến hành [đánh giá hồ sơ dự đàm phán], trao đổi với từng nhà đầu tư trong danh sách ngắn về các nội dung đàm phán liên quan đến phương án kỹ thuật, phương án sơ bộ về tài chính – thương mại của nhà đầu tư nhằm chuẩn xác yêu cầu về mặt kỹ thuật, tài chính – thương mại của dự án phục vụ cho việc lập hồ sơ mời thầu.

2. Việc đàm phán với từng nhà đầu tư được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và nhà đầu tư. Biên bản này được gửi trực tiếp cho nhà đầu tư tham gia đàm phán.

3. Căn cứ kết quả đàm phán với từng nhà đầu tư, bên mời thầu xác định yêu cầu chi tiết của dự án. Các yêu cầu này được công khai đến các nhà đầu tư

tham gia đàm phán. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu tổ chức cuộc họp thảo luận với các nhà đầu tư trước khi xác định yêu cầu chi tiết của dự án.

Điều 44 . Lập hồ sơ mời thầu

1. Căn cứ lập hồ sơ mời thầu

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ mới

b) Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án có không quá ba nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu;

c) Kết quả đàm phán với các nhà đầu tư;

d) Hồ sơ dự án và các tài liệu liên quan;

đ) Các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung hồ sơ mời thầu:

a) Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng;

b) Hồ sơ mời thầu được lập phải có đầy đủ các thông tin để nhà đầu tư lập hồ sơ dự thầu, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Thông tin chung về dự án bao gồm nội dung và phạm vi dự án, mô tả yêu cầu về mặt kỹ thuật của dự án, các dịch vụ được cung cấp khi dự án hoàn thành;

- Chỉ dẫn đối với nhà đầu tư bao gồm thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và bảng dữ liệu lựa chọn nhà đầu tư;

- Yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;

- Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư để triển khai dự án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định này;

- Yêu cầu về dự án, bao gồm:

+ Yêu cầu về mặt kỹ thuật: Các tiêu chuẩn thực hiện dự án, yêu cầu về chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp; mô tả chi tiết các yêu cầu kỹ thuật và các chỉ tiêu kỹ thuật được sử dụng trong đánh giá hồ sơ dự thầu, các yêu cầu về môi trường và an toàn;

+ Yêu cầu về tài chính - thương mại: Phương án tổ chức đầu tư, kinh doanh; phương án tài chính (tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và phương án huy động vốn; phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP (nếu có); các khoản

chi; nguồn thu, giá, phí sản phẩm, dịch vụ công; thời gian thu hồi vốn, lợi nhuận); yêu cầu cụ thể về phân bổ rủi ro.

- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật, tài chính - thương mại và phương pháp đánh giá các nội dung này;

- Các biểu mẫu dự thầu bao gồm đơn dự thầu, đề xuất về mặt kỹ thuật, đề xuất về tài chính - thương mại, bảo đảm dự thầu, cam kết của tổ chức tài chính (nếu có) và các biểu mẫu khác;

- Loại hợp đồng dự án, điều kiện của hợp đồng và dự thảo hợp đồng bao gồm: các yêu cầu thực hiện dự án, tiêu chuẩn chất lượng công trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ, cơ chế về giá, phí các quy định áp dụng, thưởng phạt hợp đồng, trường hợp bất khả kháng, việc xem xét lại hợp đồng trong quá trình vận hành dự án và các nội dung khác.

Điều 45. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu được thể hiện thông qua tiêu chuẩn đánh giá trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được xác định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định này.

2. Tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về mặt kỹ thuật

a) Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Nghị định này.

b) Phương pháp đánh giá về mặt kỹ thuật

Sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết.

Khi xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, hồ sơ mời thầu phải quy định mức tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng yêu cầu nhưng không được thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật và điểm của từng nội dung yêu cầu về chất lượng, công suất, hiệu suất; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; môi trường và an toàn và các yêu cầu chính khác không thấp hơn 60% điểm tối đa của nội dung đó. Cơ cấu về tỷ trọng điểm tương ứng với các nội dung quy định tại điểm a khoản này phải phù hợp với từng loại hợp đồng dự án cụ thể nhưng bảo đảm tổng tỷ trọng điểm bằng 100%.

3. Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại:

Phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định này.

Điều 46 . Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu

1. Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Nghị định này trước khi phê duyệt;

2. Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bằng văn bản và căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

Mục 3

TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 47. Gửi thư mời thầu, phát hành hồ sơ mời thầu

1. Bên mời thầu mời các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đàm phán đến nhận hồ sơ mời thầu.

2. Việc phát hành, sửa đổi, làm rõ hồ sơ mời thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này;

Điều 48. Chuẩn bị, nộp, tiếp nhận, quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu

Việc chuẩn bị, nộp, tiếp nhận hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này.

Điều 49. Quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu

Việc quản lý, sửa đổi, rút hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 50. Nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu, sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

1. Nguyên tắc đánh giá, làm rõ hồ sơ dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định này. Nhà đầu tư không được đề xuất phương án thay thế về kỹ thuật trong hồ sơ dự thầu so với hồ sơ dự thầu đàm phán trước đó.

2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 51. Đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật

1. Kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 28 Nghị định này.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá về năng lực và kinh nghiệm nêu trong hồ sơ mời thầu.

3. Nhà đầu tư có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật hợp lệ, đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật.

4. Đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật:

a) Việc đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất về kỹ thuật thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật thì được xem xét, đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính - thương mại.

Điều 52. Thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật

Việc thẩm định, phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

Điều 53. Đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại

Việc mở và đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại thực hiện theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Nghị định này.

Mục 5**TRÌNH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG KHAI
KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ****Điều 54. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP**

1. Việc trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Việc công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

Điều 55. Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP

1. Việc trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Riêng văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên dự án, địa điểm và quy mô của dự án;
- b) Tên nhà đầu tư trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời hạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; phê duyệt dự án;
- đ) Thời hạn khởi công, hoàn thành xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công trình dự án;
- đ) Các điều kiện sử dụng đất để thực hiện dự án (địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian sử dụng đất);
- e) Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn của dự án;
- g) Giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, phần vốn góp của Nhà nước hoặc phần nộp ngân sách nhà nước hoặc thời gian thực hiện hợp đồng;
- h) Các nội dung cần lưu ý (nếu có).

2. Việc công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định này. Riêng nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

- a) Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư;
- c) Kế hoạch lập báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án.

3. Nhà đầu tư được lựa chọn sẽ tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Việc lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

Mục 6**ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP,
CÔNG KHAI THÔNG TIN HỢP ĐỒNG**

Điều 56. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết và công khai thông tin hợp đồng dự án PPP đối với dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP

1. Căn cứ quyết định dự án được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

2. Việc ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 57. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết và công khai thông tin hợp đồng dự án PPP đối với dự án theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP

1. Căn cứ quyết định dự án được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền và nhà đầu tư tiến hành đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng. Việc đàm phán, hoàn thiện thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

2. Việc ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án và hợp đồng phải bảo đảm phù hợp với mục tiêu thực hiện dự án, quy mô đầu tư, các tiêu chí cơ bản để xét duyệt nhà đầu tư trúng thầu.

CHƯƠNG IV**CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ****VÀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT****Mục 1****CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU
39 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

Điều 58. Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư

1. Lập hồ sơ mời thầu

a) Căn cứ lập hồ sơ mời thầu:

Việc lập hồ sơ mời thầu phải căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

b) Nội dung hồ sơ mời thầu bao gồm:

- Thông tin chung về dự án; chỉ dẫn đối với nhà đầu tư;
- Yêu cầu về dự án căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo quyết định phê duyệt dự án (hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới);
- Yêu cầu thực hiện dự án để đáp ứng mục tiêu trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP;
- Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính - thương mại và phương pháp đánh giá các nội dung này;
- Biểu mẫu dự thầu; điều kiện của hợp đồng và dự thảo hợp đồng;
- Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất theo quy định tại Điều 18 Nghị định này song không cần so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính – thương mại.

2. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu và xác định nhà đầu tư được đề nghị chỉ định thầu:

a) Hồ sơ mời thầu phải được thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 72 Nghị định này trước khi phê duyệt;

b) Việc phê duyệt hồ sơ mời thầu phải bằng văn bản, căn cứ vào tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu;

c) Nhà đầu tư được xác định để nhận hồ sơ mời thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP và phải hạch toán tài chính đầy đủ, có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án.

Điều 59. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

1. Hồ sơ mời thầu được phát hành cho nhà đầu tư đã được xác định.
2. Nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Điều 60. Đánh giá hồ sơ dự thầu

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu phải được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu. Trong quá trình đánh giá,

bên mời thầu được phép mời nhà đầu tư đến làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ dự thầu.

Điều 61. Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu

Việc trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 Nghị định này.

Điều 62. Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án

1. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

2. Việc ký kết hợp đồng và công khai thông tin hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Mục 2

**CHỈ ĐỊNH NHÀ ĐẦU TƯ
THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM B KHOẢN 1 ĐIỀU 39 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ
THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

Điều 63. Xác định nhà đầu tư được chỉ định thầu

1. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP phối hợp với bên cho vay xác định và giao cho nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay dự án để đảm bảo tính liên tục trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 52 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Nhà đầu tư được xác định để thực hiện dự án khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP và phải hạch toán tài chính đầy đủ, có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án.

Điều 64. Quy trình chỉ định nhà đầu tư

1. Trong vòng [30] ngày kể từ ngày xác định nhà đầu tư được chỉ định, các bên phải hoàn thiện thủ tục chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà đầu tư trong đó xác định yêu cầu cơ bản của dự án để đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng, bao gồm:

a) Phạm vi, nội dung công việc còn phải thực hiện của dự án và phương án tài chính tương ứng;

b) Thời gian thực hiện; yêu cầu về mặt kỹ thuật, yêu cầu về tài chính –

thương mại của dự án được xác định trong hồ sơ mời thầu được phê duyệt trước đó (trường hợp chấm dứt dự án trong giai đoạn xây dựng);

c) Thời gian thực hiện; yêu cầu về kinh nghiệm, khả năng vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng để cung cấp sản phẩm, dịch vụ công (trường hợp chấm dứt dự án trong giai đoạn vận hành).

Yêu cầu cơ bản của dự án được cơ quan có thẩm quyền xác định sau khi chấm dứt hợp đồng với doanh nghiệp dự án trước đó theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Nhà đầu tư đề xuất phương án thực hiện dự án gồm:

a) Năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư (bao gồm chứng minh khả năng huy động vốn thực hiện dự án);

b) Phương án triển khai và cam kết thực hiện dự án.

c) Đề xuất về phương án tài chính.

3. Bên mời thầu đánh giá đề xuất phương án thực hiện dự án của nhà đầu tư theo tiêu chuẩn tương ứng trong hồ sơ mời thầu được phê duyệt trước đó trước khi đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.

4. Căn cứ kết quả đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, cơ quan ký kết hợp đồng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được chỉ định.

5. Việc công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều Nghị định này.

Mục 3

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 65. Trình tự thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề xuất áp dụng phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Căn cứ hồ sơ đề xuất của cơ quan có thẩm quyền và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt.

Điều 66. Thực hiện phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình thực hiện chi tiết, [hồ sơ mời thầu].

2. Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, đề xuất phương án thực hiện dự án khả thi, đạt hiệu quả cao nhất.

3. Định kỳ hàng năm, tổng kết tình hình thực hiện, đánh giá kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở các nội dung về mục tiêu, lý do, điều kiện, tiến độ, phương án thực hiện, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương V

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG

Điều 67. Phạm vi và lộ trình áp dụng

1. Lựa chọn nhà đầu tư qua mạng được thực hiện đối với dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi.

2. Việc áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng thực hiện theo lộ trình do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

1. Khi thực hiện lựa chọn nhà đầu tư qua mạng, bên mời thầu, nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký một lần trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Bên mời thầu phát hành miễn phí hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Đối với mỗi dự án, nhà đầu tư chỉ nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu một lần trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Bên mời thầu tiến hành mở thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngay sau thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà đầu tư nộp hồ sơ, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét gia hạn thời gian hoặc tổ chức lại việc lựa chọn đầu tư qua mạng.

5. Các văn bản điện tử giao dịch qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, các thông tin được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được coi là văn bản gốc, có giá trị pháp lý và có hiệu lực như văn bản bằng giấy, làm cơ sở phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.

Điều 69. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

1. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư qua mạng bao gồm: Chi phí tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; chi phí nộp hồ sơ dự thầu; chi phí nhà đầu tư trúng thầu.

2. Các chi phí nêu trên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Điều 70. Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Khi tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đối tượng đăng ký sử dụng chứng thư số đăng ký với tổ chức vận hành hệ thống.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết về đối tượng đăng ký, quy trình đăng ký, hồ sơ đăng ký, thông tin phải nhập khi đăng ký và việc sử dụng chứng thư số trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 71. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng

1. Bên mời thầu, nhà đầu tư tiến hành đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định này.

2. Bên mời thầu tự đăng tải thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

3. Bên mời thầu phát hành miễn phí hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu. Trường hợp có sự sai khác giữa văn bản điện tử đính kèm và nội dung điền trong mẫu thì văn bản điện tử đính kèm sẽ là căn cứ pháp lý.

4. Nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải phản hồi cho nhà đầu tư là đã nộp hồ sơ thành công hay không thành công, đồng thời ghi lại thời điểm, trạng thái nộp trên hệ thống làm căn cứ giải quyết tranh chấp (nếu có). Nhà đầu tư thực hiện nộp bảo lãnh dự thầu thông qua ngân hàng có kết nối đến Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp rút hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, nhà đầu tư thông báo đến bên mời thầu và ngân hàng thực hiện bảo lãnh (nếu có) trước thời điểm đóng thầu.

5. Bên mời thầu mở và giải mã hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngay sau thời điểm đóng thầu. Biên bản mở hồ sơ

dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn không quá 02 giờ sau thời điểm đóng thầu.

6. Sau khi đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, bên mời thầu nhập kết quả lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Kết quả lựa chọn nhà đầu tư được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về thời gian và quy trình lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.

Chương VI

NỘI DUNG THẨM ĐỊNH VÀ PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 72. Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán, hồ sơ mời thầu

1. Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán:

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán của bên mời thầu;

- Dự thảo hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán;

- Bản chụp các tài liệu: Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án;

- Tài liệu khác có liên quan.

b) Nội dung thẩm định bao gồm:

- Kiểm tra các tài liệu là căn cứ để lập hồ sơ mời sơ tuyển;

- Kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện dự án; sự phù hợp so với quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan;

- Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ mời sơ tuyển;

- Các nội dung liên quan khác.

c) Báo cáo thẩm định bao gồm:

- Khái quát nội dung của dự án, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán;

- Nhận xét và ý kiến của đơn vị thẩm định về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan; ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về nội dung dự thảo hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán;

- Đề xuất và kiến nghị của đơn vị thẩm định về việc phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán; về biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan; về biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời đàm phán;

- Các ý kiến khác (nếu có).

d) Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định cần tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

2. Thẩm định hồ sơ mời thầu:

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt bao gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu của bên mời thầu;

- Dự thảo hồ sơ mời thầu;

- Bản chụp các tài liệu: Quyết định chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt dự án; văn bản phê duyệt kết quả sơ tuyển (nếu có);

- Tài liệu khác có liên quan.

b) Nội dung thẩm định bao gồm:

- Kiểm tra các tài liệu là căn cứ để lập hồ sơ mời thầu;

- Kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ mời thầu so với quy mô, mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện dự án; sự phù hợp so với quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan;

- Xem xét về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- Các nội dung liên quan khác.

c) Báo cáo thẩm định bao gồm:

- Khái quát nội dung của dự án, cơ sở pháp lý để lập hồ sơ mời thầu;

- Nhận xét và ý kiến của đơn vị thẩm định về cơ sở pháp lý, việc tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan; ý

kiến thống nhất hoặc không thống nhất về nội dung dự thảo hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- Đề xuất và kiến nghị của đơn vị thẩm định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; về biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan; về biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- Các ý kiến khác (nếu có).

d) Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định cần tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

Điều 73. Thẩm định kết quả sơ tuyển, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư

1. Nguyên tắc chung:

a) Kết quả sơ tuyển, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải được thẩm định trước khi phê duyệt;

b) Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư chỉ tiến hành thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

c) Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh phải tiến hành thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật trước khi phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;

d) Không tiến hành thẩm định danh sách xếp hạng nhà đầu tư trước khi phê duyệt, danh sách xếp hạng nhà đầu tư được phê duyệt trên cơ sở đề nghị của bên mời thầu;

đ) Trước khi ký báo cáo thẩm định, đơn vị thẩm định có thể tổ chức họp giữa các bên để giải quyết các vấn đề còn tồn tại nếu thấy cần thiết.

2. Thẩm định kết quả sơ tuyển:

a) Hồ sơ thẩm định bao gồm:

- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển;

- Tờ trình của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, trong đó phải nêu rõ ý kiến của bên mời thầu đối với các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của tổ chuyên gia;

- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời sơ tuyển, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự sơ tuyển của các nhà đầu tư và các tài liệu liên quan cần thiết khác.

b) Nội dung thẩm định bao gồm:

- Kiểm tra các tài liệu là căn cứ của việc sơ tuyển;
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình sơ tuyển;
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của hồ sơ mời sơ tuyển và quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP trong quá trình sơ tuyển.

c) Báo cáo thẩm định bao gồm:

- Khái quát về dự án, cơ sở pháp lý đối với việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;
- Tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện và đề nghị của cơ quan trình duyệt về kết quả sơ tuyển;
- Nhận xét về việc tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan trong quá trình sơ tuyển;
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả sơ tuyển; đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP trong quá trình sơ tuyển hoặc biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở kết luận về kết quả sơ tuyển;
- Ý kiến của đơn vị thẩm định về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong quá trình sơ tuyển;
- Đề xuất, kiến nghị của đơn vị thẩm định;
- Các ý kiến khác.

3. Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật:

a) Hồ sơ thẩm định bao gồm:

- Tờ trình của bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;
- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;
- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ đề xuất về kỹ thuật của các nhà đầu tư và các tài liệu liên quan cần thiết khác.

b) Nội dung thẩm định bao gồm:

- Kiểm tra việc đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật có liên quan trong quá trình đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;
- Các nội dung liên quan khác.

c) Báo cáo thẩm định bao gồm:

- Tóm tắt quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư từ khi lựa chọn danh sách ngắn (nếu có) đến khi trình danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;
- Nhận xét về việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật khác có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;
- Ý kiến của đơn vị thẩm định về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;
- Đề xuất, kiến nghị với bên mời thầu, tổ chuyên gia;
- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở kết luận về kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật;
- Các ý kiến khác.

4. Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư:

a) Hồ sơ trình thẩm định bao gồm:

- Tờ trình của bên mời thầu về kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;
- Bản chụp các hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ mời thầu, biên bản đóng thầu, mở thầu, hồ sơ dự thầu của các nhà đầu tư và các tài liệu liên quan cần thiết khác.

b) Nội dung thẩm định bao gồm:

- Kiểm tra sự phù hợp và tuân thủ quy định của hồ sơ mời thầu; tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan;
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định về thời gian trong quá trình đàm phán, hoàn thiện hợp đồng;
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về trình kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

c) Báo cáo thẩm định bao gồm các nội dung sau đây:

- Khái quát về dự án, cơ sở pháp lý đối với việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;
- Tổng kết toàn bộ quá trình lựa chọn nhà đầu tư từ khi lựa chọn danh sách ngắn (nếu có) đến khi trình kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Nhận xét về việc tuân thủ quy định pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và pháp luật khác có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;

- Ý kiến của đơn vị thẩm định về sự bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;

- Đề xuất, kiến nghị với bên mời thầu, tổ chuyên gia;

- Ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất về kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đề xuất biện pháp xử lý đối với trường hợp phát hiện sự không tuân thủ quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc biện pháp giải quyết đối với những trường hợp chưa đủ cơ sở kết luận về kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

- Các ý kiến khác.

Điều 74. Trách nhiệm của đơn vị thẩm định

1. Hoạt động độc lập, tuân thủ quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan khi tiến hành thẩm định.

2. Yêu cầu bên mời thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan.

3. Bảo mật các tài liệu trong quá trình thẩm định.

4. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thẩm định.

5. Bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về báo cáo thẩm định.

6. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

7. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, cơ quan tranh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

Điều 75. Trách nhiệm của tổ chuyên gia

1. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu theo đúng yêu cầu.

3. Báo cáo bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu và danh sách xếp hạng nhà thầu, nhà đầu tư.

4. Bảo mật các tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

5. Bảo lưu ý kiến của mình.

6. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan

nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

7. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định này.

Điều 76. Trách nhiệm của bên mời thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, bên mời thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây:

1. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư qua mạng;

2. Quản lý và không tiết lộ khóa bí mật của chứng thư số được cấp. Trường hợp bên mời thầu bị mất chứng thư số hoặc phát hiện chứng thư số bị sử dụng trái phép thì phải thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số để hủy bỏ và cấp mới chứng thư số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số bảo đảm chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình;

4. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình đã nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

5. Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 77. Trách nhiệm của nhà đầu tư

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư

a) Yêu cầu bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.

b) Thực hiện các cam kết theo hợp đồng đã ký.

c) Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tham dự thầu.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư.

đ) Bảo đảm trung thực, chính xác trong quá trình tham dự thầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

e) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

g) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại khoản này theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức PPP, Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của nhà đầu tư tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây:

a) Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư qua mạng;

b) Quản lý và không tiết lộ khóa bí mật của chứng thư số được cấp. Trường hợp người sử dụng thuộc nhà đầu tư bị mất hoặc phát hiện có một bên thứ ba đang sử dụng chứng thư số của đơn vị mình thì phải tiến hành ngay việc thay đổi khóa bí mật chứng thư số, hủy bỏ chứng thư số theo hướng dẫn của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số bảo đảm chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tham gia lựa chọn nhà đầu tư;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình;

d) Chịu trách nhiệm về kết quả khi tham gia lựa chọn nhà đầu tư qua mạng trong trường hợp gặp sự cố do hệ thống mạng ở phía nhà đầu tư làm cho tài liệu không mở và đọc được;

đ) Tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương VII

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 78. Xử lý tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trong trường hợp cấp bách ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc lựa chọn nhà đầu tư theo

hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế mà không áp dụng sơ tuyển song phải đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Trong trường hợp này, hồ sơ mời thầu phải bao gồm cả các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

2. Trường hợp tại thời điểm đóng thầu, không có nhà đầu tư nào nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu thì bên mời thầu phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo một trong hai cách sau đây:

a) Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu tối đa 30 ngày;

b) Quyết định hủy thầu đồng thời yêu cầu bên mời thầu xem xét, điều chỉnh hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và tổ chức lại việc lựa chọn nhà đầu tư hoặc xem xét chuyển đổi hình thức đầu tư do dự án không hấp dẫn nhà đầu tư.

3. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu, nhà đầu tư có thể đề xuất thời điểm đóng thầu và mở thầu sớm hơn quy định trong hồ sơ mời thầu. Trong trường hợp này, bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

4. Trường hợp tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà đầu tư trúng thầu không đáp ứng điều kiện về năng lực kỹ thuật, tài chính thì mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà đầu tư được mời vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng phải khôi phục lại hiệu lực của hồ sơ dự thầu và bảo đảm dự thầu trong trường hợp hồ sơ dự thầu hết hiệu lực và bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư đã được hoàn trả hoặc giải tỏa.

5. Trường hợp sau khi đánh giá hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại, tất cả nhà đầu tư được đánh giá tốt ngang nhau thì nhà đầu tư có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp thứ nhất.

6. Trường hợp tất cả nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật và nằm trong danh sách xếp hạng đều đề xuất giá dịch vụ, phần vốn góp Nhà nước cao hơn giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao) thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo một trong hai cách sau đây:

a) Cho phép các nhà đầu tư này được chào lại đề xuất về tài chính – thương mại;

b) Cho phép đồng thời với việc các nhà đầu tư này chào lại đề xuất về tài chính – thương mại, cơ quan có thẩm quyền xem xét lại giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao), nếu cần thiết.

7. Trường hợp nhà đầu tư cần thay đổi tư cách tham gia lựa chọn nhà đầu tư so với tên trong danh sách ngắn (đối với dự án phải áp dụng sơ tuyển hoặc dự án áp dụng đàm phán cạnh tranh theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 38 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP) thì phải thông báo bằng văn bản tới bên mời thầu tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định sự thay đổi tư cách của nhà đầu tư, cụ thể như sau:

a) Cho phép bổ sung thành viên của liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn;

b) Trường hợp sau khi sơ tuyển hoặc mời quan tâm (đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới) có nhiều hơn 03 nhà đầu tư trong danh sách ngắn, chấp nhận nhà đầu tư trong danh sách ngắn liên danh với nhau với điều kiện còn tối thiểu 03 nhà đầu tư tham dự thầu.

8. Căn cứ điều kiện cụ thể từng dự án, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc sơ tuyển sau khi quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP hoặc sau khi phê duyệt dự án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

9. Ngoài các trường hợp nêu trên, khi phát sinh tình huống trong lựa chọn nhà đầu tư thì bên mời thầu báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở bảo đảm các mục tiêu của lựa chọn nhà đầu tư là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 79. Điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị

1. Đối với kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

a) Kiến nghị phải là của nhà đầu tư đã mua hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.

b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, được đóng dấu (nếu có).

c) Bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền nhận được đơn kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

d) Không vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

đ) Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án.

2. Đối với kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư:

a) Kiến nghị phải là của nhà đầu tư tham dự thầu.

b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện

hợp pháp của nhà đầu tư, được đóng dấu (nếu có).

c) Bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền nhận được đơn kiến nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 96 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

d) Không vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

đ) Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án.

e) Chi phí giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này được nhà đầu tư nộp cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn đối với trường hợp cơ quan có thẩm quyền giải quyết kiến nghị.

Điều 80. Hội đồng tư vấn

1. Chủ tịch Hội đồng tư vấn:

a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp trung ương là đại diện có thẩm quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng tư vấn cấp trung ương có trách nhiệm tư vấn về giải quyết kiến nghị đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

b) Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 5 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP (sau đây gọi là Hội đồng tư vấn cấp bộ) là người đứng đầu của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thuộc các cơ quan này. Chủ tịch Hội đồng tư vấn cấp địa phương là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng tư vấn cấp bộ, địa phương có trách nhiệm tư vấn về việc giải quyết kiến nghị đối với các dự án do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án PPP hoặc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ dự án quy định tại điểm a khoản này.

2. Thành viên Hội đồng tư vấn:

a) Thành viên Hội đồng tư vấn cấp trung ương bao gồm các cá nhân thuộc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về lựa chọn nhà đầu tư thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đại diện cơ quan có thẩm quyền, đại diện của hiệp hội, nghề nghiệp liên quan. Thành viên Hội đồng tư vấn cấp bộ bao gồm các cá nhân thuộc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về lựa chọn nhà đầu tư thuộc các cơ quan này, đại diện cơ quan có thẩm quyền, đại diện của hiệp hội, nghề nghiệp liên quan. Thành viên Hội đồng tư vấn cấp địa phương bao gồm các cá nhân thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư, đại diện cơ quan có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đại diện của hiệp hội, nghề nghiệp liên quan.

b) Căn cứ theo tính chất của từng dự án và trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tư vấn có thể mời thêm các cá nhân tham gia với tư cách là thành viên của Hội đồng tư vấn.

c) Thành viên Hội đồng tư vấn không được là thân nhân (cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột) của người ký đơn kiến nghị, của các cá nhân trực tiếp tham gia lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, của các cá nhân trực tiếp thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả sơ tuyển, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư và của người ký phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

3. Hoạt động của Hội đồng tư vấn:

a) Chủ tịch Hội đồng tư vấn ra quyết định thành lập Hội đồng trong thời hạn tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà đầu tư. Hội đồng tư vấn hoạt động theo từng vụ việc;

b) Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có Báo cáo kết quả làm việc gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định; từng thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình.

4. Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:

a) Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn cấp trung ương là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn cấp bộ là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thuộc cơ quan này. Bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn cấp địa phương là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Bộ phận thường trực giúp việc không gồm các cá nhân tham gia trực tiếp thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư của dự án đó.

b) Bộ phận thường trực giúp việc thực hiện các nhiệm vụ về hành chính do Chủ tịch Hội đồng tư vấn quy định; tiếp nhận và quản lý chi phí do nhà đầu tư có kiến nghị nộp theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

Điều 81. Giải quyết kiến nghị đối với lựa chọn nhà đầu tư

1. Thời gian giải quyết kiến nghị quy định tại các khoản 1, 2 Điều 96 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP được tính từ ngày bộ phận hành chính của bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền nhận được đơn kiến nghị.

2. Bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc không xem xét, giải quyết kiến nghị trong trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 64 Nghị định này.

3. Nhà đầu tư được quyền rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị nhưng phải bằng văn bản.

4. Trong văn bản trả lời về kết quả giải quyết kiến nghị cho nhà đầu tư phải có kết luận về nội dung nhà đầu tư kiến nghị. Trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư được kết luận là đúng phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có), đồng thời bộ phận thường trực giúp việc có trách nhiệm yêu cầu các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm liên đới chi trả cho nhà đầu tư có kiến nghị số tiền bằng số tiền mà nhà đầu tư có kiến nghị đã nộp cho Hội đồng tư vấn. Trường hợp kiến nghị của nhà đầu tư được kết luận là không đúng thì trong văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do.

CHƯƠNG VIII

XỬ LÝ VI PHẠM, KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 82. Hình thức cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư

Tùy theo mức độ vi phạm mà áp dụng hình thức cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với tổ chức, cá nhân, cụ thể như sau:

1. Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư từ 03 năm đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 6, 9, 10, 11 và 12 Điều 10 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư từ 01 năm đến dưới 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 8 Điều 10 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

3. Cấm tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư từ 06 tháng đến dưới 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 Điều 10 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

Điều 83. Hủy, đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng, bên mời thầu

1. Hủy thầu là biện pháp của cơ quan có thẩm quyền để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư và các quy định khác của pháp luật liên quan của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm quyết định hủy thầu đối với các trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, và đ khoản 1 Điều 34 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP.

2. Đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư, tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, cụ thể như sau:

a) Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư được áp dụng khi có bằng chứng cho thấy tổ chức, cá nhân tham gia lựa chọn nhà đầu tư có hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến không đảm bảo mục tiêu của công tác lựa chọn nhà đầu tư, làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

b) Biện pháp đình chỉ được áp dụng để khắc phục ngay khi vi phạm đã xảy ra và được thực hiện đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Biện pháp không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến trước khi ký kết hợp đồng;

c) Trong văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian để khắc phục vi phạm về lựa chọn nhà đầu tư;

d) Biện pháp tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của bên mời thầu do cơ quan có thẩm quyền quyết định khi phát hiện các quyết định của bên mời thầu không phù hợp quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức PPP và pháp luật có liên quan.

Điều 84. Bồi thường thiệt hại do vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Mục 2

KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 85. Kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư

1. Kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất khi có vướng mắc, kiến nghị, đề nghị hoặc yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền của cơ quan kiểm tra về công tác lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này. Phương thức kiểm tra bao gồm kiểm tra trực tiếp, yêu cầu báo cáo.

2. Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan khác theo quy định

tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 5 của Luật Đầu tư theo phương thức PPP; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình và các dự án do mình quyết định đầu tư nhằm mục đích quản lý, điều hành và chấn chỉnh hoạt động lựa chọn nhà đầu tư bảo đảm đạt được mục tiêu đẩy nhanh tiến độ, tăng cường hiệu quả của công tác lựa chọn nhà đầu tư và kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổ chức kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trên phạm vi cả nước. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, tổ chức kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của cơ quan kiểm tra về công tác nhà đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, tổ chức kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư tại địa phương mình.

4. Nội dung kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà đầu tư:

a) Nội dung kiểm tra định kỳ bao gồm:

- Kiểm tra việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư, phân cấp trong lựa chọn nhà đầu tư;
- Kiểm tra việc lập và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Kiểm tra trình tự và tiến độ thực hiện dự án;
- Kiểm tra nội dung hợp đồng ký kết và việc tuân thủ các căn cứ pháp lý trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng;
- Kiểm tra tình hình thực hiện báo cáo về công tác lựa chọn nhà đầu tư;
- Kiểm tra việc triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác lựa chọn nhà đầu tư.

b) Nội dung kiểm tra đột xuất: Căn cứ theo yêu cầu kiểm tra đột xuất, quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra quy định các nội dung kiểm tra cho phù hợp.

5. Sau khi kết thúc kiểm tra, phải có báo cáo, kết luận kiểm tra. Cơ quan kiểm tra có trách nhiệm theo dõi việc khắc phục các tồn tại (nếu có) đã nêu trong kết luận kiểm tra. Trường hợp phát hiện có sai phạm thì cần đề xuất biện pháp xử lý hoặc chuyển cơ quan thanh tra, điều tra để xử lý theo quy định.

6. Nội dung kết luận kiểm tra bao gồm:

- a) Tình hình thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư tại đơn vị được kiểm tra;
- b) Nội dung kiểm tra;
- c) Nhận xét;
- d) Kết luận;
- đ) Kiến nghị.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 86. Bãi bỏ, sửa đổi một số điều của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP

Bãi bỏ, sửa đổi một số điều của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư như sau:

1. Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 4 Điều 6, khoản 2 Điều 7, Điều 8, 9, Mục 1 Chương II, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 25, Mục 1 Chương III, Điều 28, Điều 29, Điều 31, khoản 1 Điều 32, khoản 3 Điều 38, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 41, Điều 42, các khoản 4, 5 và 6 Điều 43, Điều 44, Điều 45, Mục 1 Chương V, khoản 1 Điều 75, khoản 2 Điều 76, khoản 2 Điều 79, khoản 1 Điều 77, các khoản 2, 3, 9, 10, 11, 13 Điều 80, khoản 1 Điều 90 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 4 như sau:

“d) Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu và thông tin thay đổi về thời điểm đóng thầu (nếu có); thông tin hợp đồng dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu thầu”;

b) Sửa đổi khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông báo mời thầu quốc tế lên trang thông tin điện tử hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phát hành tại Việt Nam”;

c) Sửa đổi khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc gửi thư mời thầu đến trước thời điểm đóng thầu”;

d) Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Đối với đấu thầu trong nước, mức giá bán (bao gồm cả thuế) của một bộ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không quá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Đối với đấu thầu quốc tế, mức giá bán (bao gồm cả thuế) của một bộ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.”;

đ) Sửa đổi khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dự kiến đối với dự án đầu tư có sử dụng đất”;

e) Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 67 như sau:

“c) Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 của Luật Đấu thầu và khoản 3 Điều 10 Nghị định này, nhà đầu tư được xác định để nhận hồ sơ yêu cầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu và có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án”;

g) Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 74 như sau:

“b) Lý do đặc thù, riêng biệt của dự án mà không thể áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các Điều 20, 22 của Luật Đấu thầu và Điều 10 Nghị định này”;

h) Sửa đổi Điều 77 như sau:

“Điều 77. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất;
2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
3. Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, danh sách xếp hạng nhà đầu tư hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, [cơ quan trực thuộc] thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;
4. Thực hiện công việc khác thuộc trách nhiệm người có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật Đấu thầu.”;

i) Sửa đổi Điều 78 như sau:

“Điều 78. Trách nhiệm của người đứng đầu [cơ quan trực thuộc,] cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định tại Điều 75 của Luật Đấu thầu.

2. Thực hiện các công việc khác về lựa chọn nhà đầu tư theo ủy quyền của cấp trên.”;

k) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 79 như sau:

“b) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trường hợp các nội dung này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt”.

l) Sửa đổi khoản 4 Điều 79 như sau:

“4. Trường hợp thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 77 của Nghị định này, bộ phận có chức năng về kế hoạch, tài chính của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật”;

m) Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 88 như sau:

“a) Nội dung kiểm tra định kỳ bao gồm:

- Kiểm tra việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư, phân cấp trong lựa chọn nhà đầu tư;
- Kiểm tra công tác đào tạo về đấu thầu;
- Kiểm tra việc cấp chứng chỉ đào tạo về đấu thầu;
- Kiểm tra việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- Kiểm tra nội dung hợp đồng ký kết và việc tuân thủ các căn cứ pháp lý trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng;
- Kiểm tra tình hình thực hiện báo cáo về công tác đấu thầu;
- Kiểm tra việc triển khai thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát về công tác đấu thầu.”;

n) Sửa đổi khoản 3 Điều 89 như sau:

“3. Các nội dung trong hoạt động đấu thầu phải giám sát, theo dõi bao gồm:

a) Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

- b) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;
- c) Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- d) Kết quả đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.”;
- o) Sửa đổi khoản 3, 4 Điều 90 như sau:

“3. Đối với hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên trúng sơ tuyển, dự án được áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư tiếp theo được thực hiện theo quy định tại các Chương III, IV và V Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 49 và Điều 61 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

b) Trường hợp có một nhà đầu tư trúng sơ tuyển, dự án được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.

c) Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được xây dựng trên cơ sở phù hợp quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn và quy định của pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

4. Đối với hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (trường hợp không áp dụng sơ tuyển) được phát hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định của Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư”;

- p) Sửa đổi điểm a, b khoản 1 Điều 91 như sau:

“a. Chủ trì xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ đấu thầu, bao gồm hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; mẫu báo cáo về tình hình lựa chọn nhà đầu tư và các mẫu khác;

b. Quy định lộ trình áp dụng và hướng dẫn thực hiện chi tiết nội dung nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định này;”.

Điều 87. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu phù hợp với Luật Đấu

thầu và Nghị định Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ thì không phải điều chỉnh, phát hành lại.

2. Trường hợp hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu được phát hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư tiếp theo được thực hiện theo quy định của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP. Nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được xây dựng trên cơ sở phù hợp quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, các Thông tư hướng dẫn và quy định của pháp luật liên quan có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Điều 88. Hướng dẫn thi hành

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng và ban hành mẫu hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư;

b) Quy định lộ trình áp dụng và hướng dẫn thực hiện chi tiết nội dung nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ mời thầu thực hiện dự án PPP trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định này;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và lộ trình áp dụng; xây dựng cơ chế quản lý, vận hành và hướng dẫn thực hiện lựa chọn nhà đầu tư qua mạng;

d) Hướng dẫn thực hiện các nội dung cần thiết khác của Nghị định này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý và sử dụng các loại chi phí liên quan đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

3. Các bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành mẫu hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư của ngành;

b) Trong phạm vi quản lý của mình hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định này (nếu cần thiết) nhưng bảo đảm không trái với các quy định của Luật Đầu tư theo phương thức PPP và Nghị định này;

c) Định kỳ hàng năm, tổng kết tình hình thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư, gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Riêng dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện công tác lựa chọn nhà đầu tư phải bao gồm đánh giá kết quả lựa chọn nhà đầu tư trên cơ sở các nội dung về mục tiêu, lý do, điều kiện, tiến độ, phương án thực hiện.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, cơ quan khác theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 5 Luật Đầu tư theo phương thức PPP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phân công lãnh đạo phụ trách trực tiếp, chịu trách nhiệm về công tác lựa chọn nhà đầu tư và giao nhiệm vụ cho một đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm quản lý hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trong phạm vi quản lý của ngành hoặc địa phương mình. Trong quá trình thực hiện Nghị định này, trường hợp phát sinh các nội dung chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 89. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, trừ quy định tại khoản 1 Điều 86 của Nghị định này.

2. Nghị định này sửa đổi các nội dung quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP quy định tại Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư về lựa chọn nhà đầu tư./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTN (3b)

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

I. Danh sách các đơn vị thuộc Bộ

TT	Đơn vị thuộc Bộ
1.	Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
2.	Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
3.	Vụ Tài chính, tiền tệ
4.	Vụ Kinh tế công nghiệp
5.	Vụ Kinh tế nông nghiệp
6.	Vụ Kinh tế dịch vụ
7.	Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị
8.	Vụ Quản lý các khu kinh tế
9.	Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
10.	Vụ Kinh tế đối ngoại
11.	Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội
12.	Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường
13.	Vụ Quản lý quy hoạch
14.	Vụ Quốc phòng - An Ninh
15.	Vụ Pháp chế
16.	Thanh tra Bộ
17.	Cục Phát triển doanh nghiệp
18.	Cục Đầu tư nước ngoài
19.	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
20.	Cục Phát triển Hợp tác xã
21.	Viện chiến lược phát triển
22.	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương
23.	Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia

II. Danh sách các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ
1.	Hiệp hội các nhà đầu tư hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam	Tầng 20 Tòa Capital Tower Số 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
2.	Tập đoàn Đèo Cà	Tầng 20 Tòa Capital Tower Số 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
3.	Tổng công ty Cienco 4	Tầng 10-11, tòa nhà ICON4, Số 243A, Đê La Thành – phường Láng Thượng – quận Đống Đa – TP. Hà Nội
4.	Tập đoàn Bitexco	Tầng 1, Tháp The Manor, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
5.	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Phú Điền	Tòa nhà Phú Điền – 83A Lý Thường Kiệt – Quận. Hoàn Kiếm – Hà Nội
6.	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Nam	7A/68 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
7.	Công ty CP Tập đoàn Vingroup	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội
8.	Tập đoàn Sun Group	Tầng 9, Tòa nhà Sun City, 13 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam
9.	Công ty Cổ phần tập đoàn T&T	2A Phạm Sư Mạnh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
10.	Công ty cổ phần Tasco	Tầng 4, Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
11.	Công ty cổ phần điện lực Vĩnh Tân 3	P503, Tầng 5, Tòa Capital Tower 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
12.	Tổng công ty phát triển hạ tầng và đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI)	Tầng 8,9,10, Tòa nhà Lilama 10, đường Lê Văn Lương, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
13.	Hiệp hội bất động sản Việt Nam	Tầng 3, Tòa nhà Cung Triển Lãm Kiến Trúc Quy Hoạch Xây Dựng Quốc Gia, 01 Đỗ Đức Dục, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội
14.	Công ty đầu tư tài chính nhà nước Tp. Hồ Chí Minh (HFIC)	67-73 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
15.	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Vĩnh Hưng, Hà Nội	Tầng 6, Tòa nhà Vimedimex Group, Số 46-48 Bà Triệu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
16.	Công ty TNHH Thông Hiệp, Bắc Ninh	Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Từ Sơn, Dốc Sặt, Phường Trang Hạ, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh
17.	Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội (Handico)	Số 34 Hai Bà Trưng, Trảng Tiền, Hà Nội
18.	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng đô thị Hà Nội (UDIC)	Nhà N2E, Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị Trung Hoà - Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
19.	Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB)	Số 25A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
20.	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
21.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
22.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	Số 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
23.	Công ty cổ phần FECON	Tầng 15, tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
24.	Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà Constrexim	Tầng 4, tòa nhà HH1, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
25.	Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long	Số nhà 1008V3, chung cư Văn Phú Victoria, Phú La, Hà Đông, Hà Nội
26.	Công ty cổ phần định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC)	Số 03 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
27.	Công ty cổ phần thẩm định giá và đầu tư Hà Nội	Số 10 ngõ 1 Viện Nghiên cứu cơ khí, Văn Chi, tổ 10, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
28.	Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Tầng 29, tòa nhà Bamboo Airways, số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội